

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ TUYẾT

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA CÁC MÁC VỀ  
LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG TÁC PHẨM  
“BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC 1844”  
VÀO VIỆC XÂY DỰNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG  
MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG

**2013 | PDF | 96 Pages  
buihuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng - Năm 2013

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

Tác giả luận văn

**LÊ THỊ TUYẾT**

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>  | <b>1</b>  |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài .....   | 1         |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu .....   | 3         |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....   | 3         |
| 4. Phương pháp nghiên cứu .....  | 3         |
| 5. Bố cục đề tài .....   | 3         |
| 6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....   | 4         |
| <b>CHƯƠNG 1. QUAN ĐIỂM CỦA CÁC MÁC VỀ LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG TÁC PHẨM “BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC 1844”.</b>                  | <b>8</b>  |
| <b>1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TÁC PHẨM, CÁC QUAN ĐIỂM VỀ THA HÓA TRONG LỊCH SỬ VÀ CÁCH TIẾP CẬN CỦA C. MÁC ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ THA HÓA .....</b> | <b>8</b>  |
| 1.1.1. Khái lược về tác phẩm .....   | 8         |
| 1.1.2. Khái niệm tha hóa và sự phát triển của các quan điểm về tha hóa trong lịch sử .....   | 10        |
| 1.1.3. Cách tiếp cận của C. Mác đối với vấn đề tha hóa.....  | 16        |
| 1.2. SỰ PHÂN TÍCH CỦA C. MÁC VỀ NHỮNG BIỂU HIỆN LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN.....                         | 17        |
| 1.3. SỰ PHÂN TÍCH CỦA C. MÁC VỀ NGUYÊN NHÂN CỦA LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC .....                                | 25        |
| <b>Kết luận chương 1 .....</b>   | <b>37</b> |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG Ở NƯỚC TA TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....</b>                             | <b>38</b> |
| 2.1. TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI.....   | 38        |

|   |           |
|---|-----------|
| 2.2. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG VIỆC KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG THA HÓA CỦA LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI.....   | 42        |
| 2.3. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA LAO ĐỘNG CÒN BỊ THA HÓA TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC.....   | 49        |
| <b>Kết luận chương 2 .....</b>  | <b>68</b> |
| <b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG THA HÓA, XÂY DỰNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.....</b>  | <b>69</b> |
| 3.1. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....   | 70        |
| 3.2. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG NHẪM KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA ĐỂ XÂY DỰNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI.....  | 71        |
| 3.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo sự phù hợp quan hệ sản xuất với trình độ lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất, đảm bảo công bằng xã hội. ....      | 71        |
| 3.2.2. Xã hội hóa sở hữu tư liệu sản xuất .....   | 72        |
| 3.2.3. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.....  | 73        |
| 3.2.4. Mở rộng dân chủ, tăng cường và hoàn thiện vai trò quản lý nhà nước .....   | 73        |
| 3.2.5. Nhà nước và doanh nghiệp phải tạo điều kiện để không ngừng nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn của người lao động để nâng cao mức hưởng thụ của họ một cách tương xứng ..... | 75        |
| 3.2.6. Xây dựng thái độ lao động tự giác, tích cực bằng nhiều biện pháp: giáo dục, quản lý, thưởng phạt, v.v. ....  | 75        |
| 3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ.....   | 75        |
| 3.3.1. Nhóm giải pháp nhằm phát triển kinh tế. ....   | 75        |

|   |           |
|---|-----------|
| 3.3.2. Nhóm giải pháp phát triển thể chế chính trị .....  | 79        |
| 3.3.3. Nhóm giải pháp phát triển văn hóa, xã hội.....     | 79        |
| <b>Kết luận chương 3 .....</b>                            | <b>84</b> |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                     | <b>85</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                   | <b>87</b> |
| <b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO).</b> |           |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Lý luận của chủ nghĩa Mác về hình thái kinh tế - xã hội là lý luận khoa học và cách mạng. Vận dụng vào việc nghiên cứu hình thái kinh tế - xã hội tư bản, lý luận này đã chỉ ra bản chất, mâu thuẫn và xu hướng vận động của nó và dự đoán về sự ra đời tất yếu của một hình thái kinh tế - xã hội mới đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa (CNCS), một xã hội phát triển cao hơn về chất so với tất cả các hình thái xã hội trước đó. Trong xã hội đó con người được sống đúng bản chất của mình, được tự do phát triển về mọi mặt.

Khi phân tích về xã hội tư bản chủ nghĩa các ông đã chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của nó là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của sản xuất với quan hệ sản xuất (QHSX) dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản về tư liệu sản xuất. Chính sự chiếm hữu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản và sự thống trị chính trị của nó là nguyên nhân của tình trạng áp bức, bất công trong xã hội, làm cho người lao động sống không ra sống, họ bị chà đạp và đối xử như một loại hàng hóa không hơn không kém, dẫn đến *tình trạng tha hóa lao động*. Trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”, C. Mác đã vạch ra cho chúng ta thấy nguyên nhân và biểu hiện của tình trạng lao động bị tha hóa trong phương thức sản xuất tư bản và phương hướng khắc phục bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội (CNXH) trước đổi mới do những khiếm khuyết của nó đã đã không khắc phục được tình trạng này mà trái lại làm cho lao động bị tha hóa ở nhiều phương diện khác dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã phần nào làm cho nhiều người nghi ngờ về sự thay thế chế độ tư bản bằng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn mà học thuyết Mác – Lênin đã đưa ra.

Công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội ở nước ta và một số nước xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới chẳng những đã khắc phục được tình trạng khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, mà bước đầu đạt được một số thành tựu đáng kể, giúp chúng ta khẳng định rằng chủ nghĩa xã hội với mô hình mới vẫn còn có sức sống mãnh liệt của nó. Tuy nhiên trước mắt, thì tình trạng trì trệ do sự tha hóa của lao động trong các nước xã hội chủ nghĩa vẫn còn là một trở ngại lớn đối với sự phát triển của CNXH trong tương lai.

Ở Việt Nam sau hơn hai mươi lăm năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước *đã thực sự khắc phục được tình trạng lao động bị tha hóa trong một số lĩnh vực nhất định của hoạt động sản xuất, kinh doanh*. Tuy nhiên do sự yếu kém trong quản lý nhà nước dẫn đến sự gia tăng tình trạng quan liêu, tham nhũng, do tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường đến đời sống xã hội *làm cho sự tha hóa của lao động lại trở nên trầm trọng ở một số lĩnh vực khác* gây nên tình trạng trì trệ, yếu kém trong các doanh nghiệp nhà nước, trong các cơ sở giáo dục đào tạo, sự biến chất về lối sống, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, v.v.

Chính vì những lý do trên, chúng ta có thể khẳng định rằng lý luận của Mác về lao động bị tha hóa không mất đi giá trị của nó và còn có thể vận dụng trong điều kiện xã hội Việt Nam hiện nay. Vấn đề làm rõ nguyên nhân, biểu hiện và tìm ra phương pháp hữu hiệu để khắc phục tình trạng lao động bị tha hóa có ý nghĩa rất lớn về lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng thái độ lao động tích cực trong điều kiện nước ta hiện nay.

Xuất phát từ những lý do đó, tôi đã lựa chọn đề tài : *Vận dụng quan điểm của Các Mác về lao động bị tha hóa trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” vào việc xây dựng thái độ lao động mới ở nước ta hiện nay* làm đề tài luận văn của mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở phân tích quan điểm của C. Mác về lao động bị tha hóa trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” và vận dụng vào việc xem xét thực trạng của lao động ở nước ta. Luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những biểu hiện của tình trạng lao động còn bị tha hóa trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng thái độ lao động mới ở nước ta hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn lấy quan điểm của C. Mác về lao động bị tha hóa trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” làm đối tượng nghiên cứu. Từ đó nghiên cứu về tình trạng tha hóa lao động ở nước ta trước thời kỳ đổi mới, những biểu hiện tích cực và tiêu cực của thái độ lao động sau đổi mới. Qua đó đưa ra một số giải pháp để khắc phục những biểu hiện của tình trạng lao động còn bị tha hóa trong một số lĩnh vực.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Tác phẩm của C. Mác “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”, thực trạng thái độ lao động ở nước ta trước đổi mới và hiện nay.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của CNDV biện chứng và CNDV lịch sử. Ngoài ra còn sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích và tổng hợp, đối chiếu và so sánh, cụ thể và trừu tượng v.v.

## **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của đề tài được trình bày trong ba chương:

Chương 1: Quan điểm của C. Mác về lao động bị tha hóa trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”.



Chương 2: Thực trạng thái độ lao động ở nước ta trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chương 3: Một số phương hướng và giải pháp nhằm khắc phục tình trạng tha hóa, xây dựng thái độ lao động mới ở nước ta hiện nay.

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Quan điểm của C. Mác về lao động bị tha hóa trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” nói riêng và những tác phẩm khác nói chung từ lâu đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Tuy nhiên đây là vấn đề khá phức tạp nên quay xung quanh nó có nhiều ý kiến khác nhau.

Ở nước ta vấn đề này cũng đã được một số tác giả đề cập đến ở những khía cạnh khác nhau. Một số tác giả nghiên cứu một cách trực tiếp vấn đề tha hóa ở phương diện kinh tế, tôn giáo, chính trị ; một số tác giả khác chỉ đề cập những vấn đề có liên quan ở khía cạnh này hay khía cạnh khác đến tình trạng tha hóa và giải pháp cho vấn đề này trong xã hội ta hiện nay.

TS. Đỗ Lan Hiền, nghiên cứu viên Viện Triết học với bài: “*Quan niệm của C. Mác về tha hóa của lao động, tha hóa của tôn giáo trong ‘Bản thảo kinh tế - triết học 1844’* (Tạp chí triết học, số 8 – 2003), đã đề cập đến các biểu hiện của lao động bị tha hóa. Tác giả cũng đã chỉ ra sự giống nhau giữa tha hóa lao động và tha hóa tôn giáo là chúng đều tạo ra một thực thể xa lạ, đối lập và thống trị lại chính mình. Nhưng tôn giáo khác lao động ở chỗ cái “khách thể” mà chính con người đã tạo ra đó ngoài việc trở nên xa lạ, thống trị họ, nó còn là biểu hiện của sự phản kháng lại, sự tác động trở lại hiện thực. Như vậy theo tác giả cho dù giữa chúng có sự tương đồng nhưng tha hóa tôn giáo còn có nhiều điểm khác biệt và cần có những nghiên cứu sâu sắc hơn.

Nguyễn Thị Thanh Huyền với đề tài “*Quan niệm của C. Mác về tha hóa, giải phóng con người và ý nghĩa của nó đối với phát triển con người Việt*”

*Nam hiện nay*” (Luận văn thạc sĩ năm 2005) đã tìm hiểu về vấn đề tha hóa lao động trong tư tưởng của C. Mác thông qua một số tác phẩm của ông từ đó vận dụng lý luận đó vào nghiên cứu tình trạng tha hóa lao động trên một số lĩnh vực ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Thông qua đề tài tác giả cũng đã nêu lên được quan điểm của Đảng để phát triển con người Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Kim Lai, cán bộ nghiên cứu Viện Triết học với bài *“Sở hữu trong quan niệm triết học xã hội của C. Mác (qua Bàn thảo kinh tế - triết học năm 1844)”* (Tạp chí triết học, số 2 – 1999) đã nêu lên được quan điểm trọng tâm của Mác là về vấn đề chế độ tư hữu, mọi vấn đề khác đều được xuất phát và giải quyết dựa trên cơ sở vấn đề này. Theo tác giả đối với Mác nghiên cứu chế độ tư hữu trước hết là nghiên cứu hình thái lao động tạo ra nó. Tác giả cũng chỉ ra công lao của Mác trong việc ông đã bác bỏ quan niệm kinh tế học tư sản khi họ cho rằng mọi lao động đều tạo ra hàng hóa, tư bản và chế độ tư hữu.

ThS. Vũ Thị Kiều Phương, Viện triết học, Viện khoa học xã hội Việt Nam với bài *“Từ quan niệm của C. Mác về ‘xóa bỏ chế độ tư hữu’ suy nghĩ về vấn đề sở hữu tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay”* đã chỉ ra rằng, sự “xóa bỏ chế độ tư hữu” chỉ có thể xảy ra một cách nội tại và tuân theo các quy luật khách quan của sự vận động và phát triển của xã hội. Cuối cùng bài viết chỉ ra mối liên hệ giữa quan điểm của C. Mác về “xóa bỏ chế độ tư hữu” với quan điểm của Đảng ta về vấn đề sở hữu tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

PGS.TS. Nguyễn Huy với bài: *“‘Bóc lột’ và hướng giải quyết ‘vấn đề bóc lột’ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ*

*nghĩa*” (Tạp chí Triết học, số 12 – 2012). Theo tác giả trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường với sự tồn tại của các thành phần kinh tế tư nhân thì vấn đề bóc lột giá trị thặng dư là tất yếu còn tồn tại. Tuy nhiên chúng ta không thể ngay lúc này loại bỏ chúng bởi vì điều kiện đất nước chưa cho phép. Do đó nếu muốn cải thiện và nâng cao lợi ích của người lao động ở nước ta thì trước tiên là phải giải quyết vấn đề việc làm, tạo được thật nhiều công ăn việc làm cho người lao động, hạ thấp dần tỷ lệ thất nghiệp và tiến tới xóa bỏ nạn thất nghiệp chứ chưa phải là xóa bỏ bóc lột bằng con đường thủ tiêu tận gốc cơ sở sản sinh ra bóc lột – chế độ tư hữu và kinh tế hàng hóa, tiền tệ.

Nghiên cứu vấn đề tha hóa và những biểu hiện tha hóa trong lĩnh vực chính trị được nhiều tác giả quan tâm tham gia với những bài viết.

ThS. Bùi Xuân Phái, Khoa Pháp luật – Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Hà Nội với vấn đề *“Quyền lực và tha hóa của quyền lực”* (Thông tin Pháp luật dân sự, tháng 10 năm 2009). Thông qua bài viết này tác giả đã đề cập đến các nguyên nhân dẫn tới tha hóa quyền lực trong bộ máy nhà nước, nêu lên các dạng tha hóa quyền lực và hậu quả của nó đối với xã hội như thế nào từ đó tác giả cũng đề xuất một số kiến nghị và giải pháp để hạn chế việc tha hóa quyền lực hiện nay.

ThS. Nguyễn Văn Hào, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III với bài viết: *“Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị”* (Tạp chí Xây dựng Đảng, 2012).

TS. Vương Bích Thủy, giảng viên Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng với bài *“Dân chủ hóa tạo môi trường và động lực cho sự phát triển cá nhân và xã hội”* (Tạp chí triết học, số 8 – 2003). Với bài viết này tác giả đã đề cập tới sự cần thiết phải thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội vì theo tác giả nếu dân

chủ về bản chất là quyền lực thuộc về nhân dân thì dân chủ hóa về thực chất là một quá trình thực hiện và bảo đảm thực thi trên thực tế quyền lực đó trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội đến ý thức, tư tưởng, tinh thần. Đặc biệt tác giả cũng chỉ ra: dân chủ hóa trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, tinh thần và ý thức xã hội là điều kiện quan trọng để bảo đảm cho quyền tự do tư tưởng và giải phóng cho mỗi cá nhân. Đó là bước tiến quan trọng trong tiến trình giải phóng con người.

Trần Hương Thanh, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh với bài: *“Một số giải pháp nâng cao tính tích cực lao động của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước”*(Cải cách hành chính – 2010).

Một số nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta cũng có những bài phát biểu liên quan đến đề tài này, như bài phát biểu của nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An “Dân chủ hình thức sẽ dẫn tới quan liêu, độc đoán, tha hóa...!” (Báo Dân Trí – 22/5/2013).

Trong các công trình nghiên cứu trên các tác giả đã phần nào đề cập đến những khía cạnh của vấn đề tha hóa lao động. Biểu hiện của sự tha hóa lao động trong giai đoạn nước ta đang tiến hành phát triển nền kinh thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, những giải pháp để phần nào hạn chế tình trạng tha hóa lao động giai đoạn hiện nay ở nước ta. Đây là những nguồn tài liệu quan trọng giúp tác giả hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

# CHƯƠNG 1

## QUAN ĐIỂM CỦA CÁC MÁC VỀ LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG TÁC PHẨM “BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC 1844”

### 1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TÁC PHẨM, CÁC QUAN ĐIỂM VỀ THA HÓA TRONG LỊCH SỬ VÀ CÁCH TIẾP CẬN CỦA C. MÁC ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ THA HÓA

#### 1.1.1. Khái lược về tác phẩm

Tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844” được C. Mác viết trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1844 và được công bố toàn văn lần đầu trong Marx – Engels Gesamtausgabe Erste Abteilung, Bd.3, 1932. Tác phẩm đã được xuất bản thành nhiều thứ tiếng. Bản dịch tiếng Việt của tác phẩm hiện nay có tên: “*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*”, trong Toàn tập C. Mác và Ph. Ăngghen, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 65 - 249.

Nét đặc trưng của “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” là ở chỗ, bằng việc tập trung tìm hiểu các vấn đề của kinh tế, chính trị học, C. Mác đã thể hiện không chỉ như một nhà nghiên cứu kinh tế mà còn như một nhà triết học và xã hội học, nhà lý luận cách mạng và nhà hoạt động thực tiễn.

Để có được những ý tưởng cơ bản tạo thành “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844” C. Mác đã giành nhiều thời gian nghiên cứu, tìm hiểu các tác phẩm như: “Những luận điểm cơ bản trong triết học của tương lai”, “Khởi thảo tuyên ngôn về cải cách triết học” của L. Phoiobác; “Học thuyết về của cải xã hội” của Xcabech; “Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự

giàu có của các dân tộc” của Adam Smith; “Về nguyên lý kinh tế chính trị” của David Ricardo và đặc biệt là một số ghi chép về kinh tế chính trị của Ph. Ăngghen.

Xét về mặt hình thức tác phẩm là một công trình nghiên cứu kinh tế, tuy nhiên như chúng ta thấy thì mục đích của nó rộng hơn nhiều thể hiện ở chỗ: Các chủ đề về kinh tế được trình bày đan xen với các luận điểm triết học nhằm làm rõ ý đồ của C. Mác là giải thích trên cơ sở khoa học đời sống con người; thái độ phê phán đối với triết học Hêghen và phái Hêghen cũng như đối với phương pháp luận kinh tế chính trị đương thời; các quan niệm không tưởng về xã hội; sự phân tích triết học về vấn đề tha hóa trong lao động và khắc phục tha hóa; vấn đề giải phóng chính trị và giải phóng con người thông qua “xóa bỏ tích cực chế độ tư hữu”. Với những mục đích như trên nên tác phẩm mang ý nghĩa kinh tế - triết học thực sự.

Đây là bản sơ thảo đầu tiên trong cuốn sách của C. Mác: “Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị”. Tác phẩm được hình thành bởi ba bản thảo, theo khổ giấy 30 × 40 cm, mỗi bản thảo được đánh số trang riêng bằng chữ số La Mã, nhiều mục có tiêu đề riêng. Tên gọi toàn bộ bản thảo cùng với những tiêu đề các phần in trong dấu ngoặc vuông do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Liên Xô trước đây đặt.

Tác phẩm được trình bày như những bản thảo được kết hợp lại nên người đọc khi nghiên cứu “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” có thể chấp nhận một kết cấu không theo trình tự các mục như cách sắp xếp thông thường. Ngoài lời tựa ra các chủ đề được trình bày như sau: [Bản thảo thứ nhất]: Tiền công, Lợi nhuận của tư bản, Địa tô, [Lao động bị tha hóa]; [Bản thảo thứ hai]: [ Quan hệ sở hữu tư nhân]; [Bản thảo thứ ba]: [Bản chất của

chế độ tư hữu trong sự phản ánh của kinh tế chính trị học], [Chủ nghĩa cộng sản], [Nhu cầu sản xuất và phân công lao động], [Tiền], [Phê phán phép biện chứng và triết học nói chung của Hêghen]. Đây là một công trình nghiên cứu có ý nghĩa to lớn của C. Mác khi ông tập trung phân tích và làm rõ những biểu hiện và nguyên nhân của sự tha hóa của con người dưới chế độ tư bản và trình bày quan điểm duy vật về con người.

### **1.1.2. Khái niệm tha hóa và sự phát triển của các quan điểm về tha hóa trong lịch sử**

#### **❖ Các định nghĩa khác nhau về “tha hóa” trong lịch sử**

Tha hóa là một khái niệm được sử dụng rộng rãi và thường được hiểu theo nghĩa thông thường như một biểu hiện của sự tự đánh mất mình, sự tha hóa của nhân cách, lối sống, đạo đức v.v. Nói chung là đều mang nghĩa tiêu cực.

Trong tiếng Anh, khi nói về sự tha hóa người ta thường dùng các thuật ngữ: *alienation hay estrangement* (danh từ): sự tha hóa; *alienated hay estranged* (động tính từ): bị tha hóa. Về ý nghĩa triết học thì tha hóa có nghĩa là *đánh mất bản chất của chính mình, trở thành xa lạ với thế giới và chính mình*.

Theo Từ điển Oxford, từ tha hóa (*alienation* trong tiếng Anh) bắt nguồn từ tiếng Latinh “*alienatio*”, xuất phát từ động từ “*alienare*” tiếng Latinh có nghĩa là tách rời, trở thành xa lạ (tiếng Anh: *estrangle*) [51].

Trong Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam đã định nghĩa:

Mác K. và Enghen F. đã dùng khái niệm tha hóa để nói về sự tha hóa của lao động thể hiện ở chỗ, người công nhân sản xuất ra nhiều sản phẩm cho xã hội nhưng bị giai cấp tư sản chiếm đoạt, những sản phẩm đó không thuộc về người công nhân mà trở thành lực lượng đối lập lại với họ; như vậy là hoạt động (lao động) của chính con người đã trở

thành một cái gì độc lập đối với con người và thống trị con người – đó là sự tha hóa [36,4].

Bách khoa toàn thư Britannica giản yếu (Britannica Concise Encyclopedia) định nghĩa “alienation” (tha hóa) như sau:

Trong bối cảnh xã hội, là trạng thái hay cảm xúc bị xa lạ (estranged), bị tách rời (separated) khỏi nơi chốn, công việc, sản phẩm lao động, hoặc với chính bản thân mình. Quan niệm như vậy đã xuất hiện ít nhiều rõ ràng trong các tác phẩm của Emile Durkheim, Ferdinand Julius Tnnies, Max Weber, and Georg Simmel, nhưng nổi tiếng nhất là ở Karl Marx khi nói về người công nhân bị tha hóa khỏi lao động và sản phẩm của lao động dưới chủ nghĩa tư bản. [48].

Trong các sách triết học xuất bản ở Miền Nam trong thời kỳ Mỹ - Ngụy chiếm đóng thì thuật ngữ này được dịch là “vong thân”. Vong thân, có nghĩa là là sự đánh mất giá trị, bản chất thông thường, vốn có của sự vật, hiện tượng.

Nói tóm lại theo nghĩa triết học, *sự tha hóa hay sự vong thân (của con người hay sự vật) là sự đánh mất bản chất của chính mình, làm cho trở thành “xa lạ” với chính mình, đánh mất đi giá trị cốt lõi trong quá trình vận động phát triển của sự vật – hiện tượng với tư cách là chính nó, làm cho nó thoái triển (theo hệ quy chiếu vốn có của nó) và có xu hướng chống lại chính nó trước đây, đi ngược lại quy luật vận động và phát triển thông thường của sự vật.*

Ở Việt Nam hiện nay, tha hóa thường được sử dụng để chỉ những gì thuộc về con người và các hoạt động của con người liên quan đến chủ thể con người theo hướng không tốt đẹp. Với cách hiểu này tha hóa thuộc về nhân tố chủ quan, gắn liền với chủ thể nhận thức và hoạt động thực tiễn là con người. Chủ thể con người có thể bị tha hóa hoặc tự tha hóa, nhưng dù thể



nào đi chăng nữa thì quá trình tha hóa cũng bị xem là xu hướng xấu, đáng bị lên án và đánh đổ.

❖ ***Khái lược sự phát triển của quan niệm về tha hóa trong lịch sử triết học***

Tư tưởng về tha hóa đã ra đời từ thời cận đại, đáng chú ý là quan điểm của Giăng Giắc Rút-xô (Jean Jacques Rousseau, 1712 – 1778, sinh tại Geneva, là một nhà triết học thuộc trào lưu Khai sáng Pháp). Rút-xô nhận thấy có sự phân chia và tách rời giữa bản chất tự nhiên và bản chất xã hội của con người.

Ông cho rằng loài người là tốt về bản chất nếu sống ở trạng thái tự nhiên và rằng con người *bị tha hóa bởi chính xã hội*. Ông cho xã hội là nhân tạo và sự phát triển phụ thuộc lẫn nhau trong xã hội là cản trở đối với chất lượng cuộc sống của loài người. Trong “Bàn về bất bình đẳng”, ông tiếp tục theo vết tiến trình tha hóa của loài người từ trạng thái tự nhiên nguyên thủy lên xã hội văn minh.

Khi loài người buộc phải gắn kết với nhau chặt chẽ hơn, cũng là khi loài người trải qua quá trình ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do phân chia lao động và dẫn đến bất bình đẳng. Trong giai đoạn suy thoái của xã hội, con người có khuynh hướng thường xuyên cạnh tranh với đồng bào của mình, đồng thời trở thành ngày càng phụ thuộc vào họ. Áp lực hai mặt này đe dọa cả về sự tồn tại và tự do của anh ta. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh lẫn nhau làm cho con người càng phụ thuộc vào nhau.

Theo Rút-xô, bằng cách thỏa thuận với nhau từ bỏ các quyền tự nhiên, lập nên một nhà nước dân chủ thông qua cái mà ông gọi là “Khế ước xã hội” (tiếng Pháp: *Le contrat social*, tiếng Anh: *Social Contract* có nghĩa là *hợp đồng xã hội*), cá nhân sẽ giải thoát cả hai áp lực nói trên, tức là vẫn tồn tại và

vấn tự do. Bởi vì khi đã trao quyền lực cho những người đại diện cho nguyện vọng và ý chí chung của quảng đại quần chúng, thì chính điều này đảm bảo cho cá nhân khỏi bị lệ thuộc vào ý chí của các cá nhân khác.

Trong hệ thống triết học Hêghen, khái niệm tha hóa mới được sử dụng với một ý nghĩa rõ ràng nhất. Có thể nói Hêghen là người đầu tiên sử dụng khái niệm “tha hóa” với tư cách là một phạm trù triết học. Trong các tác phẩm *Lôgic học* và *Hiện tượng học tinh thần* Hêghen đã chỉ ra vòng tròn tha hóa như sau:

Tinh thần tha hóa thành giới tự nhiên, giới tự nhiên tha hóa thành xã hội, xã hội lại tha hóa và trở về với tinh thần. Đó là quá trình “tự tha hóa” để biến thành cái khác, cái đối lập, sự phủ định và rồi trở về với bản nguyên. [14,17].

Tuy nhiên, quan điểm của Hêghen về “tha hóa” là quan điểm duy tâm khách quan – sự tha hóa của ý niệm tuyệt đối thành giới tự nhiên. Quan niệm của Hêghen về cái mà ông gọi là “ý niệm tuyệt đối” và quá trình tự tha hóa của nó là kết quả của sự tư biện thuần túy của tư duy một nhà triết học duy tâm khách quan, như Ph. Ăngghen nhận xét:

Ý niệm đó sở dĩ tuyệt đối, chỉ vì ông tuyệt đối không biết nói gì về nó cả,- “tự tha hóa”, tức là tự chuyển hóa thành tự nhiên, và sau đó lại trở về với bản thân nó trong tinh thần, tức là trong tư duy và trong lịch sử. [25,396].

Sau Hêghen phải kể đến quan điểm của Phoiơbác về tha hóa. Nhìn chung về cơ bản ông không làm lệch cách hiểu ấy của Hêghen mà ông lại đề cập đến sự tha hóa của con người ở phương diện tôn giáo, theo ông con người vốn có vai trò sáng tạo, chính con người sáng tạo ra thần thánh nhưng con người lại phủ phục, quỳ lạy trước tạo vật do chính mình tạo ra, con

người trở thành nô lệ cho vật mà mình đã tạo ra và theo ông: Con người càng hiến dâng cho thần thánh bao nhiêu thì con người càng đánh mất bản thân mình bấy nhiêu.

Theo Phoiobăc, nguyên nhân của sự tha hóa của con người trong ý thức tôn giáo là do *sự sai lầm, ảo tưởng trong tự ý thức của con người*. Con người đem đặt sự tồn tại bản tính của mình ra bên ngoài bản thân mình. Sự tha hóa của con người trong ý thức tôn giáo là ở chỗ, con người đem bản tính của mình đặt ra bên ngoài bản thân mình, biến nó thành bản tính của thần thánh, đồng thời phủ nhận, chối bỏ bản tính tốt đẹp của mình, coi bản tính của con người là *bất lực, xấu xa, tội lỗi*, nhưng ngược lại, Thượng đế thì *toàn năng, toàn thiện, toàn mỹ*. Trong “Bản chất của Kitô giáo”, Phoiobăc viết:

“Con người chối bỏ tri thức của mình, tư tưởng của mình để đặt chúng trong thượng đế. Con người chối bỏ cá nhân mình để phát hiện ra thượng đế, một tồn tại vạn năng và vô hạn, là tồn tại có cá tính”. “Tôn giáo còn chối bỏ tính thiện như là một phẩm chất của con người; con người là độc ác, đồi bại, và không thể lương thiện, nhưng trái lại, chỉ có thượng đế là thiện – là tồn tại thánh thiện.” [49]

Trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”, Mác so sánh điểm giống nhau giữa sự tha hóa của con người trong ý thức tôn giáo với sự tha hóa của lao động như sau: “Trong tôn giáo, tình hình cũng hoàn toàn giống như vậy. Con người hiến cho thần thánh càng nhiều, thì cái còn lại trong bản thân con người càng ít.” [27, 251-252].

Còn đối với các nhà triết học hiện sinh chủ nghĩa trong triết học hiện đại thì lại cường điệu sự tha hóa của con người trong chủ nghĩa tư bản. Với triết học hiện sinh, trong xã hội tư bản con người bị tha hóa về mọi mặt, con người trở thành xa lạ với tất cả, với xã hội, nhà nước và gia đình, với người

thân, với người yêu và ngay cả với chính mình. Jean Paul Sartre từng nói: “Địa ngục là những người khác” nghĩa là: Trong quan hệ với người khác bao giờ cũng là quan hệ mâu thuẫn, quan hệ giữa người chủ - người nô lệ. Người khác nhìn tôi, xâm phạm tự do của tôi, biến tôi trở thành đối tượng của nó, thành đồ vật. Tôi cũng vậy, khi tôi tìm cách nô dịch người khác thì người khác cũng tìm cách nô dịch tôi, khi tôi cố gắng giải thoát tôi khỏi người khác thì người khác cũng tìm cách giải thoát họ ra khỏi tôi.

Ngoài ra chủ nghĩa hiện sinh còn coi tha hóa là một hiện tượng vĩnh cửu, bởi vì, nó thuộc bản chất của con người. Theo họ:

Con người chỉ có thể hiện hữu một cách tự do, thực hiện một cuộc sống cao hơn, cho nên nó phải lần lượt khắc phục hết tha hóa này đến tha hóa khác, tha hóa tiếp tục mọc lên trên con đường vô tận. Bởi vì tha hóa bắt nguồn từ cuộc sống. [37,549].

Theo các nhà hiện sinh, thì tất cả mọi cái mà con người tiếp xúc trong “cái hiện thực phi lý” của cuộc đời tức là “tha nhân”(tha nhân ở đây chính là người tranh chấp, người dẫm chân lên cái tôi của chủ thể. Cho nên chính “địa ngục là tha nhân”) đều đã làm cho con người tha hóa bằng cách chiếm đoạt tự do đích thực của nó. Mất tự do con người không còn là mình nữa, cho nên phải sống lệ thuộc vào người khác không phải là mình. Theo các nhà hiện sinh Kitô giáo, vì xa lìa chúa nên con người trở thành tội lỗi. Nên để chấm dứt tội lỗi, tức sự tha hóa, thì tín hữu phải quay về với chúa. Con người tội lỗi này chính là anh ta nhưng lại xa lạ với anh ta. Vì vậy tha hóa cứ vĩnh hằng tồn tại cùng với tha nhân, cho nên theo chủ nghĩa hiện sinh con người chỉ có một đường là mỗi người khép kín trong hiện hữu của mình bên hàng xóm tha nhân. Mỗi người là một thế giới đóng kín, cho nên cũng là một thế

giới cô đơn. Đó là thân phận của con người bị tha hóa dưới con mắt bi quan, phi lý của chủ nghĩa hiện sinh.

Như vậy theo cách hiểu của chủ nghĩa hiện sinh thì tha hóa là tồn tại mãi mãi và không thể khắc phục được. Đây là những quan điểm còn mang tính phiếm diện mà nguyên nhân cơ bản dẫn đến đó là do hạn chế của điều kiện lịch sử quy định.

### **1.1.3. Cách tiếp cận của C. Mác đối với vấn đề tha hóa**

C. Mác trên cơ sở tiếp thu có phê phán một phần cách đặt vấn đề ấy của các bậc tiền bối trực tiếp của mình, từ đó đã tiến hành phân tích tha hóa trong quan hệ nền tảng giữa người với người – sản xuất vật chất, hoạt động kinh tế. Đúng trên quan điểm duy vật lịch sử, Mác đã xuất phát từ chính xã hội hiện thực, từ chính hoạt động lao động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người để lý giải sự tha hóa. Mác cho rằng:

Con người bị tha hóa trước hết là sự tha hóa trong lao động. Lao động bị tha hóa làm cho con người trở nên xa lạ với tất cả. Đây chính là mấu chốt để tìm hiểu nguồn gốc sự tha hóa của con người trong các mặt của đời sống xã hội và con đường khắc phục sự tha hóa đó. [14, 17].

Trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, sản xuất không chỉ sản xuất ra hàng hóa mà nó còn biến người công nhân thành hàng hóa, Mác viết:

Người công nhân sản xuất càng nhiều của cải, sức mạnh và khối lượng sản phẩm của anh ta càng tăng thì anh ta càng nghèo. Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hóa, anh ta lại trở thành một hàng hóa càng rẻ mạt. Thế giới vật phẩm càng tăng thêm giá trị thì thế giới con người càng mất giá trị. Lao động không chỉ sản xuất ra hàng hóa mà thôi: nó sản xuất ra bản thân nó và sản xuất ra người công nhân với tính cách là

hàng hóa, hơn nữa sản xuất theo cùng một tỷ lệ theo đó nó sản xuất ra hàng hóa nói chung. [27, 128]

Như vậy C. Mác đã xuất phát từ những con người tồn tại hiện thực. Với hoạt động lao động sản xuất của họ, là hoạt động để duy trì sự tồn tại của mình đồng thời cũng là hoạt động cơ bản để phân biệt con người và con vật. Tuy nhiên theo Mác thì hoạt động tạo lập nên bản chất của con người này trong xã hội tư bản vốn dĩ nó không thuộc về con người mà trở nên xa lạ và đối lập với chính họ. Trong xã hội đó giới tự nhiên cũng trở thành xa lạ, đối lập với con người, đồng thời các quan hệ xã hội trở nên độc lập và thống trị chính con người tạo ra chúng. Nhờ căn cứ trên những đặc điểm hiện thực đó nên ông đã có cách tiếp cận vấn đề khác với các bậc tiền bối của mình.

## **1.2. SỰ PHÂN TÍCH CỦA C. MÁC VỀ NHỮNG BIỂU HIỆN LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN**

❖ Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những tiền đề cho sự phát triển con người. Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất đã phát triển vượt bậc và đó là cơ sở cho sự phát triển con người. Cuộc cách mạng công nghiệp mà giai cấp tư sản thực hiện đã buộc những người sản xuất nhỏ chỉ biết sống một cuộc sống trầm lắng, tách biệt với thế giới quanh mình phải từ bỏ lối sống đó để hòa nhập với những gì đang diễn ra xung quanh. Có thể xem đây là một yếu tố tích cực mà nhờ cuộc cách mạng công nghiệp mang lại.

Sự phát triển vượt bậc của sản xuất đã đòi hỏi giai cấp tư sản phải tăng cường mở rộng thị trường thế giới, vì vậy mối quan hệ giao lưu của con người cũng ngày càng được mở rộng hơn, giúp con người tiếp thu các thành tựu văn minh của nhân loại đem làm giàu cho dân tộc mình.

Trong xã hội tư bản vai trò của cá nhân được đề cao. Đây là yếu tố cơ bản làm cho tính tích cực xã hội của con người tăng lên mạnh mẽ. Tuy nhiên,

trong xã hội đó yêu cầu riêng của mỗi cá nhân và lợi ích chung của toàn xã hội không thống nhất với nhau nên luôn xảy ra tình trạng mâu thuẫn. Đây là nguồn gốc thúc đẩy sự phát triển của cá nhân, con người ý thức hơn về sự tồn tại của mình.

Việc chuyên môn hóa nghề nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa hướng các cá nhân vào hoạt động nhất định khiến họ hiểu biết sâu sắc hơn về nghề nghiệp của mình. Làm phong phú thêm các nghề nghiệp trong xã hội cũng như các kinh nghiệm cho mỗi cá nhân. Đây là những điều kiện mở ra khả năng phát triển cho từng người.

❖ Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực mà nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mang lại thì chính nó cũng là nhân tố làm cho con người bị phát triển phiếm diện và bị tha hóa:

Trước hết, về lịch sử ra đời của chủ nghĩa tư bản: như Mác đã phân tích chủ nghĩa tư bản ra đời gắn liền với quá trình tích lũy nguyên thủy để tạo ra phương thức sản xuất tư bản. Thực chất, đó là quá trình tích lũy tiền tệ nhờ vào những biện pháp ăn cướp, tước đoạt đối với những người sản xuất hàng hóa nhỏ và nông dân tự do; nhờ vào hoạt động buôn bán, trao đổi không ngang giá qua đó mà thực hiện bóc lột, nô dịch đối với những nước lạc hậu. Về quá trình tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản, Mác cho rằng, đó là lịch sử đầy máu và bùn nhơ, không giống như một bản tình ca, nó được sử sách ghi chép lại bằng những trang đẫm máu và lửa không bao giờ phai.

Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản là quan hệ bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân làm thuê, Mặc dù so với các hình thức bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử, bóc lột tư bản chủ nghĩa cũng đã là một sự tiến bộ, song theo sự phân tích của Mác và Lênin thì chừng nào chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì chừng đó quan hệ bóc lột còn tồn tại và sự bất bình đẳng, phân hóa xã hội vẫn là điều không tránh khỏi.

Thứ nữa là tác động tiêu cực do tiến bộ khoa học kỹ thuật mang lại. Việc sử dụng máy móc trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa làm cho con người bị kiệt quệ, con người ngày càng lệ thuộc vào máy móc, sự lệ thuộc này làm cho lao động trở thành cực hình đối với người lao động.

Sự phân công lao động trong xã hội tư bản chủ nghĩa làm cho người lao động phát triển không đồng đều, bị phiếm diện cả về thể lực, trí lực, họ bị mất đi năng khiếu bẩm sinh mà vốn dĩ bản thân họ có được.

Việc sử dụng máy móc trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm cho người lao động mất đi khả năng hoạt động độc lập, làm cho họ không còn thời gian để phát triển nhân cách cũng như phát triển thể chất mà bản thân họ chỉ như một cái máy không hơn không kém.

Sự tha hóa đó còn là kết quả của sự phân công lao động có tính chất đối kháng trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Và chính sự tha hóa lao động dẫn đến sự tha hóa con người, nó biến người lao động thành những con người cùn khổ, sống không ra sống và sống “không xứng đáng với một con người” đồng thời nó cũng biến giai cấp tư sản và các tầng lớp khác trở thành những cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, tìm cách khống chế, đánh bại lẫn nhau vì lợi ích riêng của bản thân mình. Do đó trong xã hội tư bản không chỉ có người công nhân mà cả giai cấp tư sản và các tầng lớp khác cũng đều bị tha hóa.

❖ Căn cứ trên các cơ sở đó Mác đã vạch ra những biểu hiện tha hóa của người công nhân trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa dưới thời ông sống:

*Thứ nhất: Tha hóa trong lao động:*

C. Mác không xem xét sự tha hóa con người một cách chung chung, trừu tượng, phi lịch sử, mà xuất phát từ những con người cụ thể đang sống và hoạt động trong những quan hệ xã hội nhất định, trong những điều kiện lịch sử của một thời đại nhất định. Hành vi lịch sử đầu tiên đánh dấu bước ngoặt của sự



chuyển biến từ loài vật sang loài người chính là lao động, ông viết: Bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình. [23, 29]

Đây cũng là xuất phát điểm khoa học nhất để C. Mác đi vào phân tích sự tha hoá con người bắt đầu từ sự tha hoá của lao động.

C. Mác lý giải sự tha hoá của lao động là một tất yếu lịch sử, gắn liền với một giai đoạn phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội. Sự tồn tại và phát triển của “lao động bị tha hoá” gắn liền với sở hữu tư nhân. Theo C.Mác, sở hữu tư nhân được sinh ra do “lao động bị tha hoá”, nhưng đến lượt nó, sở hữu tư nhân lại trở thành nguyên nhân của sự tha hoá lao động và sự tha hoá của con người. Trên cơ sở đó, C.Mác chứng minh sự tha hoá của lao động là cơ sở của mọi hình thái tha hoá khác.

Lao động của người công nhân bị bán cho nhà tư bản, nó không còn là sở hữu của người công nhân nữa, nó trở thành xa lạ với chính người công nhân, thậm chí còn chống lại chính họ. Mác viết:

Sự tha hóa của người công nhân vào sản phẩm của anh ta không những chỉ có ý nghĩa là lao động của anh ta trở thành một vật, một tồn tại bên ngoài anh ta, không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta chuyển vào vật chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ [22, 111].

Lao động của người công nhân không sản xuất ra sự giàu có cho người công nhân mà trái lại sản xuất ra sự nghèo khổ cho bản thân họ và sự giàu có cho nhà tư bản.

Lao động biến người công nhân thành què quặt, lao động như một cái máy.

Lao động một mặt tạo ra trí tuệ nhưng đồng thời cũng tạo ra sự ngu dốt, đần độn cho người công nhân. Bởi vì nền sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ cần ở người công nhân một số kiến thức và kỹ năng phục vụ trực tiếp cho một công việc sản xuất cụ thể, còn ở những lĩnh vực khác thì họ trở thành dốt nát. C. Mác chỉ ra cái nghịch lý đó bằng đoạn văn sau đây:

Dĩ nhiên, lao động sản xuất ra những vật phẩm kỳ diệu cho những người giàu nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hóa công nhân. Nó tạo ra lâu đài nhưng nó cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân. Nó sáng tạo ra cái đẹp nhưng cũng làm què quặt công nhân. Nó thay lao động thủ công bằng máy móc nhưng nó lại ném một bộ phận công nhân trở về với lao động dã man và biến một bộ phận công nhân khác thành những cái máy. Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự đần độn, ngu ngốc cho công nhân. [27, 131].

Từ sự phân tích trên, Mác rút ra nhận định tổng quát về lao động bị tha hóa trong chính quá trình lao động, ông viết:

Do chỗ lao động là cái gì đó bên ngoài đối với người công nhân, không thuộc về anh ta mà thuộc về người khác nên trong lao động anh ta không khẳng định mình mà phủ định mình, không cảm thấy mình sung sướng mà cảm thấy mình khổ sở, không phát huy tự do nghị lực thể chất và tinh thần. Chỉ ngoài lao động họ mới cảm thấy là chính mình còn trong lao động anh ta thấy mình bị tách khỏi bản thân. Đây chính là bị tha hóa. [4, 99].

Lao động bản chất nó là tự nguyện, tự nhiên và tự do thì giờ đây nó trở thành lao động bị cưỡng bức. Mác viết:

Tính bị tha hóa của lao động biểu hiện rõ rệt ở chỗ là một khi không còn sự cưỡng bức lao động về thể xác hoặc về mặt khác thì người ta trốn

tránh lao động như trốn tránh bệnh dịch hạch vậy. Lao động bên ngoài, lao động mà trong quá trình của nó con người tha hóa mình, là sự tự hy sinh mình, là sự tự hành hạ mình. [27, 133].

*Thứ hai: Tha hóa bản thân con người, tha hóa loài hay đời sống có tính loài của con người.*

Vấn đề được đặt ra ở đây là con người vốn là một sinh vật có tính loài đặc thù, và so với những loài khác con người vượt hẳn lên nhờ lao động, và hơn thế nữa thể hiện ra như một thực thể phổ biến, một thực thể tự do, một thực thể có ý thức về số phận của mình. Tự do là giá trị phổ biến và lịch sử con người luôn đấu tranh vì những giá trị thiêng liêng đó. Ở đâu và khi nào giá trị đó bị xúc phạm thì con người buộc phải vùng lên đấu tranh giành lại nó không chỉ cho riêng bản thân mình mà cho cả đồng loại. Bên cạnh đó với tính cách là “sinh vật có tính loài” con người biến giới tự nhiên thành nhân giới, C. Mác khẳng định:

Việc tạo một cách thực tiễn ra thể giới vật thể, việc cải tạo giới tự nhiên vô cơ là sự tự khẳng định của con người với tư cách là một sinh vật có tính loài có ý thức, nghĩa là một sinh vật đối xử với loài như với bản chất của chính mình. [27, 136 - 137].

Vậy mà cái tính loài ấy bị xâm phạm ghê gớm, bị tha hóa. Sự tha hóa thể hiện ở chỗ, Mác nói:

Tư liệu sinh hoạt của tôi thuộc về người khác, ở chỗ đối tượng mong muốn của tôi là vật sở hữu của người khác mà tôi không với tới được, cũng như ở chỗ bản thân mỗi vật hóa ra là một cái khác với bản thân nó, ở chỗ hoạt động của tôi hóa ra là một cái khác nào đó và cuối cùng, điều này cũng đúng cả với nhà tư bản – lực lượng không phải người nói chung thống trị tất cả. [27, 196]

Vậy câu hỏi đặt ra là người công nhân được tự do, tức trở về đời sống có tính loài khi nào vào thời kỳ xã hội đó? Câu trả lời là anh ta chỉ được tự do trong khoảng thời gian hạn chế và trong một không gian chật hẹp, chỉ cảm thấy mình là mình khi thực hiện chức năng động vật của mình – ăn uống, sinh con đẻ cái, nhiều lắm là trong chuyện ở, chuyện trang sức. Còn khi gia nhập vào môi trường xã hội có tính người, anh ta chỉ cảm thấy mình là cái máy, là con vật. Sự đánh mất như thế chính là sự tha hóa, đi chệch khỏi tính người vốn có và thiêng liêng.

Do đó, ở đây lao động bị tha hóa dẫn tới giới tự nhiên chỉ còn là phương tiện để duy trì sự tồn tại thân xác của con người, lao động bị tha hóa làm cho nó trở thành đối lập với giới tự nhiên, lao động giờ đây không còn là hoạt động cải tạo, chiếm lĩnh tự nhiên phục vụ đời sống của con người và thông qua đó con người hoàn thiện mình nữa mà họ biến chính hoạt động sinh sống của mình, bản chất của mình thành phương tiện để duy trì sự tồn tại thân xác của con người, mọi hoạt động tinh thần khác bị loại khỏi đời sống con người, Mác cho rằng:

Đối với con người thì bản thân lao động, bản thân hoạt động sinh sống, bản thân đời sống sản xuất hóa ra chỉ là một phương tiện để thỏa mãn mỗi một nhu cầu của anh ta, nhu cầu duy trì sự sinh tồn thể xác. [27, 136]

Như vậy: Theo C. Mác sự tha hóa lao động dẫn tới kết quả:

Bản chất có tính loài của con người – giới tự nhiên cũng như tài sản tinh thần có tính loài của con người - bị biến thành một bản chất xa lạ với con người, thành phương tiện duy trì sự tồn tại cá nhân của con người. Lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của

con người, bản chất nhân loại của con người trở thành xa lạ với con người. [27, 138]

*Thứ ba: Tha hóa lẫn nhau hay là tha hóa giữa con người với con người.*

Cuối cùng sự tha hóa trong lao động, trong đời sống có tính loài được hiểu như là tha hóa lẫn nhau (absonderung) giữa người với người xét theo tổng thể các quan hệ xã hội. Mác nhận thấy những quan hệ xã hội hiện tại là trái chiều con người, không chân chính, bị tha hóa. Ở đây không chỉ người công nhân làm thuê bị tha hóa, tự tha hóa mà cả ông chủ tư bản cũng không thoát khỏi tình trạng đó khi họ đã đánh mất nhân tính. Sự thù địch và đố kỵ không phải là quan hệ chân chính của con người. Môi trường xã hội làm cho ngay cả những người cùng cảnh ngộ cũng xung đột với nhau vì lý do tồn tại thân xác và những cái bé nhỏ, không đáng kể tương tự.

Thông qua những vấn đề trên ta thấy sự phê phán của Mác đối với chủ nghĩa tư bản là quyết liệt và triệt để. Vấn đề đặt ra ở đây là: dựa trên cơ sở nào Mác có thể tiến hành được sự phê phán đó, dựa trên ý nghĩa *tích cực* nào về giá trị, Mác nhìn ra được tính chất *tiêu cực* toàn diện của chủ nghĩa tư bản, qua tất cả những thay đổi của nó. Căn cứ vào lý luận về tha hóa lao động nói trên của Mác, chúng ta thấy câu trả lời sau đây phải được coi là đương nhiên: tổ chức lao động của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là một định chế xã hội làm loài người xa rời bản chất của mình, những sản phẩm do lao động tạo ra đã không được sử dụng như giá trị để nhân hoá thế giới, trái lại đã thống trị lại con người với sức mạnh của những thế lực tự nhiên, mù quáng, phân liệt loài người thành những khu vực thù địch nhau ở đó những người trực tiếp lao động đã bị biến thành các cỗ máy sản xuất mất hoàn toàn nhân tính, hoàn toàn xa lạ với những sản phẩm do họ làm ra. Nói cách khác,

lao động trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành một hình thức *lao động bị tha hoá*.

### **1.3. SỰ PHÂN TÍCH CỦA C. MÁC VỀ NGUYÊN NHÂN CỦA LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG KHẮC PHỤC**

Trong quan điểm của triết học Mác, xóa bỏ chế độ tư hữu là một vấn đề luôn được quan tâm hàng đầu. Biểu hiện ở chỗ là ông trình bày về chế độ tư hữu và xóa bỏ chế độ tư hữu trong nhiều tác phẩm chứ không riêng gì trong “*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*”. Trong đó có những tác phẩm ông viết chung với Ăngghen như “*Hệ tư tưởng Đức*”; “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*”, v.v. Nhưng dù viết chung hay viết riêng thì tinh thần và tư tưởng của các ông về chế độ tư hữu và xóa bỏ chế độ tư hữu là không hề thay đổi.

Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, khi nói đến nguyên nhân của lao động bị tha hóa C. Mác trở lại phân tích nguồn gốc của tư hữu, chỉ ra mối liên hệ hữu cơ của nó với tha hóa trong lao động, nêu lên quan điểm về sự xuất hiện của tư hữu từ lao động bị tha hóa và xác lập các bằng chứng để chứng minh cho vấn đề này. Theo Mác nếu từ sự phân tích khái niệm tha hóa thì thấy sở hữu tư nhân biểu hiện ra là sản phẩm của lao động tha hóa, nhưng đến giai đoạn phát triển cao nhất của sở hữu tư nhân là xã hội tư bản chủ nghĩa thì lao động tha hóa lại biểu hiện ra là kết quả của sở hữu tư nhân. Vậy muốn hiểu rõ vấn đề này chúng ta dường như lại phải quay trở lại các dạng tha hóa.

Trước hết là C. Mác đã phân tích và chỉ ra rất rõ sở hữu tư nhân với tư cách sản phẩm của lao động bị tha hóa là như thế nào. Đồng thời, ông khẳng định: một mặt, sở hữu tư nhân là sản phẩm của lao động bị tha hóa, và mặt khác, nó là phương tiện làm cho lao động bị tha hóa, là sự thực hiện sự tha hóa ấy. [27, 142]

Đặc biệt là, trong tư tưởng của C.Mác về chế độ tư hữu và xóa bỏ chế độ tư hữu, chúng ta có thể thấy rằng, không chỉ những công nhân không có sở hữu mới bị tha hóa, mà ngay cả những người sở hữu - người không phải công nhân cũng bị tha hóa. Song, khác với hoạt động tha hóa ở người công nhân, sự tha hóa của những người không phải công nhân biểu hiện ra là trạng thái tha hóa. Trạng thái tha hóa này được C.Mác chỉ ra và phân tích rõ nét trong những phần ông viết về sự tích lũy tư bản chủ nghĩa và về lợi nhuận của tư bản trong Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844 và nhất là, trong Tư bản. Chẳng hạn, trong Tư bản, khi chỉ ra sự tha hóa của lực lượng tư bản mới ra đời, C.Mác đã trích dẫn sự mô tả của T.J. Dunning về lòng tham của tư bản như một minh chứng điển hình, ông viết:

Tư bản sợ tình trạng không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận quá ít, cũng như giới tự nhiên sợ chân không. Với một lợi nhuận thích đáng thì tư bản trở nên can đảm. Được bảo đảm 10 phần trăm lợi nhuận thì người ta có thể dùng tư bản vào đâu cũng được; được 20 phần trăm thì nó hoạt bát hẳn lên; được 50 phần trăm thì nó trở nên thật sự táo bạo; được 100 phần trăm thì nó chà đạp lên mọi luật lệ của loài người; được 300 phần trăm thì không còn tội ác nào là nó không dám phạm, dù có nguy cơ bị treo cổ. [26, 1056]

Tựu trung lại, chế độ tư hữu khiến cho con người trở nên xa lạ với chính mình và làm biến mất tồn tại có tính chất người của con người. Chế độ tư hữu khiến cho giá trị con người bị hạ thấp xuống chỉ bằng máy móc, khiến cho người công nhân cảm thấy mình chỉ còn là con vật trong những chức năng con người của anh ta và theo Mác nó khiến cho: Cái vốn có của súc vật trở thành chức phận của con người, còn cái có tính người thì biến thành cái vốn có của súc vật. [27, 133]

Do đó, xóa bỏ chế độ tư hữu là cần thiết và tất yếu. Xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu là một giải pháp để giải phóng con người, mà trước hết là những người công nhân không có sở hữu, khỏi ách thống trị của chế độ tư hữu và trả lại cho con người một đời sống đích thực thay vì một đời sống bị tha hóa. Vì xóa bỏ chế độ tư hữu chính là hình thức chính trị của sự giải phóng công nhân, nên sự giải phóng công nhân không chỉ là sự giải phóng của họ, mà còn bao hàm sự giải phóng toàn thể loài người, Mác viết:

Và sở dĩ như thế là vì toàn bộ cái chế độ nô dịch loài người nói chung bao hàm trong quan hệ của công nhân với sản xuất và vì mọi quan hệ nô dịch đều chỉ là những biến thể và kết quả của quan hệ ấy. [27, 143 - 144]

Ở đây, chúng ta không chỉ thấy mào mống quan niệm của C. Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, mà còn có thể thấy tính nhân văn sâu sắc trong tư tưởng của ông.

Cuối cùng trong tác phẩm Mác cũng đã chỉ ra chế độ tư hữu khiến cho con người bị tha hóa như thế nào trên hai phương diện: một là, sự tha hóa của người công nhân trong sản phẩm lao động của anh ta và hai là, sự tha hóa của người công nhân trong bản thân hành vi sản xuất, trong bản thân hoạt động sản xuất.

Ở phương diện thứ nhất, biểu hiện của sự tha hóa là sản phẩm do lao động của người công nhân làm ra không những không thuộc về anh ta, mà còn đối lập với lao động như một thực thể xa lạ, như một lực lượng không phụ thuộc vào người sản xuất, Mác viết:

Người công nhân sản xuất càng nhiều của cải, sức mạnh và khối lượng sản phẩm của anh ta càng tăng thì anh ta càng nghèo. Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hóa, anh ta lại trở thành một hàng hóa càng rẻ



mạt. Thế giới vật phẩm càng tăng thêm giá trị thì thế giới con người càng mất giá trị. [27, 128]

Nói chung, anh ta làm ra càng nhiều vật phẩm thì số vật phẩm anh ta có thể chiếm hữu được càng ít và anh ta bị chính sản phẩm do mình làm ra - tư bản - thống trị càng mạnh.

Ở phương diện thứ hai, Mác cho rằng:

Sự tha hóa của công nhân trong sản phẩm của anh ta không chỉ có ý nghĩa là lao động của anh ta trở thành một vật phẩm, có được sự tồn tại bên ngoài, mà còn có ý nghĩa là lao động của anh ta tồn tại ở bên ngoài anh ta, không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta, và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập đối lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta truyền cho vật phẩm, chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ. [27, 129 - 130]

Điều đó cũng có nghĩa là trong lao động đáng ra người công nhân khẳng định mình thì anh ta lại thấy mình phủ định mình, đáng ra người công nhân phải cảm thấy mình sung sướng thì anh ta lại cảm thấy mình khổ sở, đáng ra người công nhân phát huy một cách tự do nghị lực thể chất và tinh thần của mình thì anh ta lại cảm thấy mình đang làm kiệt quệ thân thể của mình và phá hoại tinh thần của mình.

Đến đây, câu hỏi đặt ra là, nếu sản phẩm người công nhân làm ra không thuộc về anh ta thì thuộc về ai? Tại sao trong quá trình lao động, người công nhân cảm thấy mình bị tách khỏi bản thân mình, cảm thấy lao động của mình là lao động cưỡng bức và chỉ xem lao động là một phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu khác chứ không xem lao động là nhu cầu?

C. Mác đã trả lời là:

Sản phẩm do người công nhân làm ra thuộc về địa chủ và nhà tư bản – những vị thần có đặc quyền và ăn không ngồi rồi và ở đâu cũng đều ở trên công nhân và định pháp luật cho công nhân [27, 79].

Bởi họ là những người nắm giữ tư liệu sản xuất C. Mác gọi những người này là những người sở hữu. Còn người công nhân, trong thực tế, chỉ nhận được một phần rất nhỏ, ông viết:

Cái mà không có nó thì tuyệt đối không thể được: chỉ đúng cái cần thiết để người công nhân tồn tại, không phải như một con người mà như một công nhân và không phải để người công nhân duy trì loài người, mà duy trì giai cấp nô lệ - giai cấp công nhân [27, 79].

Người công nhân không có sở hữu về tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt xã hội nên phải làm thuê để nhận một khoản tiền công ít ỏi, không tương xứng với lao động của anh ta từ những người sở hữu. Cũng vì vậy, lao động của người công nhân không thuộc về anh ta. Lao động của người công nhân chịu sự chi phối của sự tích tụ, tích lũy tư bản và của sự phân công lao động ngày càng phát triển bởi sự tích lũy tư bản đó. Về vấn đề này được C. Mác viết như sau:

Người công nhân ngày càng lệ thuộc hoàn toàn vào việc làm và hơn nữa vào một công việc nhất định, hết sức phiến diện, máy móc. Bên cạnh việc người công nhân bị hạ thấp về mặt tinh thần và thể xác, xuống thành một cái máy, việc con người biến thành một hoạt động trừu tượng và một cái dạ dày, người công nhân cũng ngày càng phụ thuộc vào mọi sự dao động của giá cả thị trường, vào việc sử dụng những tư bản và vào ý muốn của người giàu. Đồng thời sự tăng thêm của giai cấp những người chỉ sống bằng lao động làm tăng thêm sự cạnh tranh giữa những công nhân với nhau, do đó cũng hạ thấp giá cả của họ xuống. [27, 76]

Nói tóm lại, lao động của người công nhân không thuộc về anh ta, mà thuộc về một người khác - “người không phải công nhân”, đó là những người sở hữu.

Như vậy: Ông nhận thấy rằng nội dung của khái niệm lao động bị tha hóa được xem xét như kết quả vận động của sở hữu tư nhân và theo cách phân tích cho thấy sở hữu tư nhân vừa là cơ sở, vừa là nguyên nhân của lao động bị tha hóa nhưng thực chất thì nó không phải là như vậy mà là ngược lại, ông viết:

Nó hóa ra là kết quả của lao động bị tha hóa, cũng giống như thần thánh lúc đầu không phải là nguyên nhân mà là kết quả của sự nhầm lẫn của lý trí con người. Sau này quan hệ đó biến thành quan hệ tác động lẫn nhau. [27, 42].

Chúng ta không nên nhầm lẫn quá trình hình thành khái niệm “lao động bị tha hóa” với nguồn gốc lịch sử của nó. Trong sự phân tích của mình Mác đã đi từ kết quả đến nguyên nhân, nhằm lưu ý rằng mối quan hệ giữa sở hữu tư nhân và lao động bị tha hóa không mang tính một chiều mà là sự tác động qua lại lẫn nhau, cho dù sự tác động đó không xóa bỏ sự khác nhau về mặt lịch sử giữa cái có trước và cái có sau.

Theo C. Mác sở hữu tư nhân là kết quả, sản phẩm, là hệ quả tất yếu của lao động bị tha hóa, của quan hệ bên ngoài của người công nhân với tự nhiên và với chính mình; nói cách khác lao động bị tha hóa là nguyên nhân trực tiếp của sở hữu tư nhân. Vì vậy để có thể xóa bỏ tình trạng lao động bị tha hóa thì phải xóa bỏ chế độ tư hữu.

Bởi vì, chế độ sở hữu tư sản là hình thức sở hữu cuối cùng dựa trên sự bóc lột và đối kháng giai cấp. Do vậy, việc xóa bỏ chế độ tư hữu phải là một nguyên tắc cơ bản nhất, quan trọng nhất của cách mạng vô sản.

Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và Ăngghen viết: “Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu.” [24,616]

Khi nghiên cứu vấn đề xóa bỏ tư hữu, chúng ta cần phải hiểu: Một là, tại sao phải xóa bỏ chế độ tư hữu? Hai là, cần xóa bỏ những hình thức tư hữu nào?

Lý do cơ bản của việc xóa bỏ chế độ tư hữu chính là xóa bỏ điều kiện tồn tại và nảy sinh của hiện tượng bóc lột, của việc giai cấp này dùng tư liệu sản xuất để chiếm đoạt lao động của giai cấp khác. Do đó, cách mạng vô sản chỉ xóa bỏ những hình thức sở hữu nào là phương tiện bóc lột lao động làm thuê.

Mác và Ăngghen giải thích một cách cụ thể hơn như sau:

Chủ nghĩa cộng sản tuyệt nhiên không muốn xóa bỏ sự chiếm hữu cá nhân của người công nhân đối với những sản phẩm lao động của anh ta, vì sự chiếm hữu ấy không đẻ ra một khoản dư nào có thể đem lại một quyền lực chi phối lao động của người khác, cũng không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội; mà vấn đề là, cần phải xóa bỏ tính chất bi thảm của cái phương thức chiếm hữu sản phẩm lao động do người công nhân làm ra và dùng sự chiếm hữu ấy nô dịch lao động của người khác - cái phương thức khiến cho người công nhân chỉ sống để làm tăng thêm tư bản trong chừng mực những lợi ích của giai cấp thống trị đòi hỏi [24, 617].

Vì thế, cách mạng vô sản không xóa bỏ quyền chiếm hữu của cá nhân đối với sản phẩm của xã hội. Nó chỉ không cho phép lợi dụng sự chiếm hữu đó để bóc lột lao động của người khác. Mác và Ăngghen viết: “Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã

hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác.” [23, 618]

Còn về sở hữu tư liệu sản xuất, Mác và Ăngghen cũng khẳng định: chủ nghĩa cộng sản không xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản, biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở người này bóc lột người kia. [24, 615]

Ở đây ông cũng đề cập đến thời điểm lịch sử của sự xóa bỏ chế độ tư hữu, câu trả lời được minh chứng khá rõ trong Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844. C. Mác đã chỉ rõ, trước ông, trong lịch sử đã có những tư tưởng về sự xóa bỏ chế độ tư hữu. Đó là những tư tưởng về một chủ nghĩa cộng sản mà C. Mác gọi là “chủ nghĩa cộng sản thô lỗ” hay “chủ nghĩa cộng sản chưa hoàn bị”. Chủ nghĩa cộng sản này chỉ là sự hoàn thành “sự ghen ghét và sự thèm muốn bình quân hóa” xuất phát “từ quan niệm về một mức tối thiểu nào đó”. Đồng nghĩa với đó là, thời điểm và cách thức thực hiện sự xóa bỏ chế độ tư hữu diễn ra một cách chủ quan. Theo C.Mác:

Sự xóa bỏ chế độ tư hữu như vậy hoàn toàn không phải là sự chiếm hữu thật sự thước đo ấy, điều đó thấy rõ chính là từ sự phủ định một cách trừu tượng toàn bộ thể giới văn hóa và văn minh, từ việc quay trở về tính giản dị không tự nhiên của người nghèo và không có nhu cầu, con người không những không vượt lên trên trình độ chế độ tư hữu mà thậm chí chưa đạt tới chế độ đó [27, 165].

Theo C. Mác, khi mâu thuẫn giữa lao động, bản chất chủ quan của chế độ tư hữu, với tính cách là cái loại trừ sở hữu và tư bản, lao động đã khách quan hóa, với tính cách là cái loại trừ lao động - đó là chế độ tư hữu với tính cách là hình thức phát triển đến trình độ mâu thuẫn – của sự đối lập, với tính

cách là hình thức mãnh liệt [30, 163] thì nó sẽ thúc đẩy sự giải quyết mâu thuẫn đó. Và, sự giải quyết mâu thuẫn này diễn ra trong chủ nghĩa cộng sản, nhưng là một chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn khác với chủ nghĩa cộng sản thô lỗ hay chủ nghĩa cộng sản chưa hoàn bị mà C. Mác đã phê phán. Chủ nghĩa cộng sản mà C. Mác nói đến sẽ giải quyết thực sự mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người, sẽ giải quyết thực sự cuộc tranh chấp giữa tồn tại và bản chất, giữa sự đối tượng hóa và sự tự khẳng định, giữa tự do và tất yếu, giữa cá thể và loài. Giải quyết thực sự ở đây có nghĩa là, sự giải quyết đó phải mang tính hiện thực, là những “hành động cộng sản chủ nghĩa hiện thực”. Chỉ có như thế thì mới có thể “xóa bỏ chế độ tư hữu” trong hiện thực thực tế. Còn nếu muốn xóa bỏ tư tưởng về chế độ tư hữu thì chỉ cần tư tưởng về chủ nghĩa cộng sản là đủ.

Vậy ở đây trong quan niệm của C. Mác về “xóa bỏ chế độ tư hữu”, thời gian của sự “xóa bỏ chế độ tư hữu” là định tính và phụ thuộc vào sự phát triển của mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Điều đáng lưu ý là, sự xóa bỏ chế độ tư hữu sẽ phải kinh qua một quá trình rất khó khăn và lâu dài trong hiện thực. Bởi vì, sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của chế độ tư hữu có tính lịch sử của nó. Điều đó có nghĩa là, mặc dù chúng ta hiểu được thế nào là chế độ tư hữu và hơn thế, hiểu được bản chất của chế độ đó, nhưng chúng ta hoàn toàn không thể dùng mệnh lệnh hành chính, dùng mong muốn chủ quan của chúng ta để xóa bỏ chế độ tư hữu trong hiện thực. Sự xóa bỏ chế độ tư hữu này chỉ có thể xảy ra một cách nội tại và tuân theo các quy luật khách quan của sự vận động và phát triển của xã hội. Giờ sụp đổ của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa sẽ đến khi sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vô tư bản chủ nghĩa của chúng nữa” khi đó, cái vỏ ấy sẽ vỡ tung ra và những kẻ đi tước đoạt bị tước đoạt. C. Mác gọi đó là “sự phủ định cái phủ định”.

Chính không hiểu thực chất của vấn đề xóa bỏ chế độ tư hữu và quá trình thực hiện nó, cho nên trong thời kỳ trước đổi mới, các nước xã hội chủ nghĩa đã thực sự *xóa bỏ toàn bộ các hình thức sở hữu tư nhân và đồng nhất quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với chế độ công hữu gồm hai hình thức sở hữu là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể*. Sai lầm này chính là nguyên nhân làm cho tình trạng lao động bị tha hóa chẳng những không khắc phục được mà còn bị biến dạng sang một hình thức khác, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thật ra theo Mác, chế độ sở hữu của xã hội cộng sản tương lai không phải là chế độ tư hữu, cũng không phải chỉ có chế độ công hữu, mà là kết quả của hai lần phủ định, là *sự thống nhất giữa sở hữu cá nhân và sở hữu công cộng, trong đó sở hữu công cộng là cơ sở*. Trong “Tư bản” C. Mác viết:

Phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra, và do đó cả chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa nữa đều là sự phủ định đầu tiên đối với chế độ tư hữu cá nhân dựa trên lao động của bản thân. Nhưng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên. Đó là sự phủ định cái phủ định. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa: trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra. [26,1090]

Điều cần chú ý trong câu nói trên của Mác là ông không đồng nhất giữa chế độ tư hữu tư bản và sở hữu tư nhân. Chế độ tư hữu tư bản cần được xóa bỏ vì nó là kết quả của sự bóc lột. Còn sở hữu cá nhân là kết quả của “lao động của bản thân” người lao động.

V.I. Lênin trong tác phẩm “Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao” đã giải thích tư tưởng này của Mác như sau, Lênin viết:

Khi xây dựng lý luận xã hội chủ nghĩa của mình... Mác đã đi đến kết luận là trong xã hội tương lai sẽ tồn tại một chế độ sở hữu vừa cá nhân, vừa công cộng, với tư cách là sự thống nhất tối cao ... của cái mâu thuẫn đã bị xoá bỏ. [20, 204-205]

Như vậy, việc nghiên cứu tình trạng lao động bị tha hóa và tìm con đường khắc phục nó là một quá trình lâu dài, quán xuyên suốt cuộc đời của Mác từ thời Mác trẻ đến thời Mác trưởng thành, từ điểm xuất phát là tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” cho đến “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” và sau này là bộ “Tư bản”. Chính vì không hiểu được mối liên hệ này nên ở phương Tây có thời kỳ người ta đã đối lập giữa ông Mác trẻ đầy lòng nhân ái với sự phân tích lao động bị tha hóa với ông Mác trưởng thành đã đánh mất lòng nhân ái vốn có của mình khi nói về đấu tranh giai cấp và cách mạng bạo lực.

Giáo sư T.Z. Lavine trong giáo trình triết học “Từ Socrates đến Sartre: Sự đi tìm triết học” đã đặt lại câu hỏi: “Có phải có hai chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Mác trong *Bản thảo kinh tế - triết học* năm 1844 với chủ nghĩa Mác trong chủ nghĩa xã hội khoa học sau này? Nếu có thì chúng có thể hòa hợp với nhau được không?” Và tác giả đã có câu trả lời đúng đắn như sau:

Chúng ta tìm thấy kịch bản thế giới được trình bày trong *Bản thảo kinh tế-triết học* là kịch bản về con người bị tha hóa từ sản phẩm do chính anh ta tạo ra, và tìm lại được bản thân mình thông qua cách mạng thế giới. Kịch bản này được nhắc lại trong những tác phẩm thời Mác trưởng thành. Bắt đầu với tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* với một kịch bản mới về



lịch sử thế giới như là lịch sử đấu tranh giai cấp và sự vượt qua được đấu tranh giai cấp bằng cuộc cách mạng của giai cấp vô sản và cuối cùng tiến tới một xã hội không còn giai cấp. [50]

Trên cơ sở phân tích như vậy, T.Z. Lavine rút ra kết luận: “Vậy thì không có hai, mà chỉ có một chủ nghĩa Mác - nó tiến hóa, như chúng ta đã thấy, từ xung đột bên trong con người bị tha hóa đến sự xung đột của các giai cấp kinh tế.” [50, 286-287]

## **Kết luận chương 1**

Như vậy thông qua tác phẩm chúng ta có thể thấy rõ quan điểm của Mác về tha hóa lao động trong xã hội tư bản. Ở đó ông chỉ rõ những biểu hiện cụ thể của lao động bị tha hóa và nguyên nhân dẫn đến tình trạng tha hóa lao động trong xã hội tư bản. Thông qua đó Mác cũng chỉ ra con đường để khắc phục tha hóa lao động là hướng đến xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa, ở đó người lao động được đánh giá đúng với sức lao động mà mình bỏ ra, thêm vào đó trong quan hệ với vật phẩm anh ta sẽ không còn thấy xa lạ, đối lập mà gần gũi, tự nhiên, vì nó thực sự đảm bảo cuộc sống cho anh ta.

Khi vấn đề sở hữu được giải quyết thì quá trình lao động không còn mang tính cưỡng bức nữa, mà trở về tính chất vốn có của nó – tự nguyện. Lao động được tôn vinh cùng với chủ thể lao động.

Khi xã hội xóa bỏ được chế độ tư hữu và đạt đến hình thái xã hội cao sẽ tạo điều kiện mở rộng hơn nữa không gian xã hội để con người thể hiện mình và phát triển tự do toàn diện.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG Ở NƯỚC TA TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

#### 2.1. TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA TRONG THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

Như chúng ta đều biết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tình trạng lao động bị tha hóa vẫn chưa có thể khắc phục được hoàn toàn. Điều này được lý giải cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Về mặt lý luận, C.Mác đã chỉ ra rằng để xóa bỏ tha hóa cần có tiền đề thực tiễn tuyệt đối đó là sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất (LLSX), nhưng sự phát triển đó chỉ có thể có được trong giai đoạn phát triển cao của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa mà thôi.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa với tư cách là một chế độ kinh tế và chính trị cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ kéo dài nhằm cải biến quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, do đó những hiện tượng tha hóa vẫn còn tồn tại chưa thể mất đi một cách nhanh chóng.

Về cơ sở thực tiễn: Xuất phát từ điều kiện kinh tế và xã hội của Việt Nam thời kỳ trước đổi mới là nền kinh tế vận hành trong khuôn khổ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp. Những cải tiến theo hướng kinh tế thị trường (KTTT) chủ yếu ở cấp vi mô, mang tính cục bộ, không triệt để và thiếu đồng bộ, diễn ra trong khuôn khổ cơ chế kế hoạch hoá tập trung và nhằm duy trì, củng cố hệ thống kinh tế công hữu, tập trung, bao cấp và đóng cửa nên nhiều chủ trương và chính sách và của Đảng và nhà nước đưa ra mang tính chủ quan, duy ý chí. Cho nên chỉ một thời gian ngắn sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ thống nhất Tổ quốc thì đất nước đã lâm vào tình trạng

khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng cụ thể: Sản xuất công – nông nghiệp đình đốn, lưu thông, phân phối hàng hóa bị ách tắc, lạm phát tăng lên ở mức ba con số, đời sống của nhân dân hết sức khó khăn. Ở thành thị lương của cán bộ công nhân viên chức chỉ đủ sống khoảng 10 -15 ngày, ở nông thôn có đến hơn 80% gia đình thiếu ăn lúc giáp hạt, tiêu cực xã hội ngày càng lan rộng.

Từ những thực trạng trên chúng ta có thể khẳng định hiện tượng tha hóa lao động là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên những biểu hiện của nó không phải giống như những gì mà C. Mác đã miêu tả trong xã hội tư bản, trên cơ sở lý luận của C.Mác chúng ta có thể luận giải về tình trạng lao động bị tha hóa ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới như sau:

- Do nhận thức không đúng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên ở nước ta thời kỳ này chỉ chấp nhận và để tồn tại chế độ sở hữu công cộng dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, còn các loại hình sở hữu khác thì thông qua cải tạo xã hội chủ nghĩa đều bị xóa bỏ nhanh chóng.

*Vi dụ:* Sở hữu tư bản tư nhân bị cải tạo bằng cách tịch thu, trưng thu hoặc chuyển thành công tư hợp doanh, sở hữu tư nhân, cá thể bị hợp tác hóa, vì vậy đã loại bỏ nhiều nguồn lực để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho nhân dân, vi phạm nghiêm trọng quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, làm cho người lao động mất niềm tin đối với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là nguyên nhân đưa đến sự khủng hoảng và sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX.

Trong lý luận về xóa bỏ tư hữu được trình bày trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản” và nhiều tác phẩm khác, C. Mác và Ph. Ăngghen đã lưu ý những người cộng sản rằng:

Việc xóa bỏ tư hữu là một quá trình lâu dài, phức tạp. Điều đó chỉ thực hiện được khi lực lượng sản xuất đã phát triển đến một trình độ rất cao. Thiếu tiền đề khách quan đó thì chỉ đem lại sự nghèo nàn, thiếu thốn và xã hội lại rơi vào cuộc đấu tranh để dành dặt những thứ cần thiết. [28, 282 - 283].

- Bên cạnh việc nhận thức không đúng về thời kỳ quá độ thì nguyên nhân nữa là đồng nhất sở hữu với tư cách là một quan hệ kinh tế hiện thực với sở hữu với tư cách là một quan hệ pháp lý, dẫn đến tác động qua lại giữa quan hệ sở hữu với quan hệ tổ chức, quản lý và quan hệ phân phối không phù hợp nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chủ trương, đường lối của Đảng ta chỉ nhấn mạnh đến việc thay đổi quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất mà không chú trọng đến chế độ tổ chức phân phối hợp lý nên nó thủ tiêu mất động lực cho sự phát triển, làm mất sự gắn bó giữa người lao động với quá trình sản xuất kinh doanh. Trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng sản xuất chưa phát triển đến trình độ cao để có thể thực hiện phân phối theo phương châm “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Vì vậy nguyên tắc tuân theo trong phân phối là: Những người nào cống hiến nhiều hơn thì cũng nhận được sự phân phối từ xã hội nhiều hơn. Nhưng thực tế công thức này đã bị bóp méo, thực tế tiền lương được phân phối ngang nhau thông qua các chế độ tem phiếu. Do đó đã triệt tiêu động lực phấn đấu của các cá nhân.

- Cơ chế quan liêu, bao cấp ( bao cấp qua giá, chế độ tem phiếu, bao cấp qua chế độ cấp phát vốn của ngân sách) thời đó đã làm cho người lao động trở nên chây lười, lao động cầm chừng vì phân phối sản phẩm theo chế độ bình quân, làm cho họ không có hứng thú với công việc, không muốn tham gia vào lao động tập thể, họ dửng dưng, trở nên xa lạ với lao động tập thể vì theo họ có làm nhiều thì cũng chỉ được nhận như những người không làm hoặc làm ít.

Đây là nguyên nhân làm cho năng suất lao động thấp, xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng, khó khăn.

- Bộ máy Nhà nước vào thời điểm này ảnh hưởng đến tất cả các mặt của đời sống xã hội. Nhà nước can thiệp quá sâu vào tất cả các lĩnh vực như: sản xuất, tiêu dùng, văn hóa, gia đình...chưa kể là mọi giao dịch của đời sống kinh tế cũng được coi là công việc của Đảng và nhà nước. Ngoài ra bộ máy nhà nước thực hiện trấn áp không chỉ đối với các phe nhóm chính trị mang tính đối lập, phản động mà còn thực hiện cả biện pháp này đối với những cá nhân có tư tưởng hoặc biểu hiện bị coi là “đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa”

- Lao động vào thời kỳ đó đa phần không phải vì họ yêu nghề mà vì mưu sinh của cuộc sống cho bản thân họ và gia đình họ hay nói cách khác lao động chỉ là là để duy trì đời sống vật chất. Do đó lao động lúc này không còn là hoạt động thể hiện bản chất con người mà trở thành một vật phẩm, đối tượng hóa mà vì sự tồn tại nên người ta phải giành lấy. Đây chính là hiện tượng “vật hóa lao động” mà C. Mác đã từng chỉ ra trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”.

- Vào thời điểm trước đổi mới khi đó đất nước mới chỉ bước ra khỏi chiến tranh, sau hơn mấy chục năm bị Pháp và Mỹ đô hộ, sau khi giải phóng, giành lại được độc lập thì đất nước gặp phải nhiều khó khăn, hơn hết đó là khó khăn về kinh tế, đại bộ phận nhân dân đều phải sống trong cảnh nghèo đói. Như C. Mác nói: Khi họ thiếu thốn đến tột độ thì ắt hẳn họ sẽ quay trở lại để đấu tranh nhằm giành lấy những cái cần thiết và thế là người ta không tránh khỏi rơi vào sự ti tiện trước đây.

- Nền kinh tế nhiều thành phần, đa sở hữu không được thừa nhận trên thực tế nên phần nào cũng đã kìm hãm tính tích cực của người lao động.

- Lực lượng sản xuất bị trói buộc, quan hệ sản xuất trở thành lực cản đối với sự phát triển. Ở đây đã thể hiện sự vi phạm quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chính sự tồn tại quá lâu cơ chế quản lý bao cấp đã không còn phù hợp với tình hình phát triển của LLSX thời kỳ đó nên đã kìm hãm LLSX phát triển, làm ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội của đất nước.

Như vậy thực trạng về kinh tế cũng như đặc điểm của đất nước trước giai đoạn đổi mới là những nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự tha hóa lao động. Hiện thực này chỉ được khắc phục khi xã hội phát triển đến giai đoạn cao, khi mà lực lượng sản xuất phát triển vượt bậc đưa con người đến với hình thức phân phối làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu thì khi đó tình trạng tha hóa lao động mới được khắc phục hoàn toàn.

## **2.2. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG VIỆC KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG THA HÓA CỦA LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

Nhìn chung về cơ bản thì tình trạng tha hóa lao động ở nước ta vẫn còn tồn tại, nhưng sau khi nhận thấy được những sai lầm trong đường lối xây dựng đất nước trong thời kỳ bao cấp, Đảng và Nhà Nước đã dám nhìn thẳng và đánh giá đúng sự thật. Điều này đưa đến quyết định tiến hành đổi mới đất nước bằng việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn qua hơn hai mươi lăm năm tiến hành công cuộc đổi mới đã phần nào cho thấy bộ mặt của đất nước có sự thay đổi đáng kể mà thể hiện ra là khắc phục được phần nào tình trạng tha hóa lao động trước đây thể hiện:

- Quan hệ sản xuất ngày càng phù hợp hơn, nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần đan xen có bước phát triển mạnh. Tình trạng phân biệt, đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế từng bước được xóa bỏ. Kinh tế nhà nước được tăng cường, doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đổi

mới, cơ cấu lại mà trọng tâm là cổ phần hóa, tự chủ trong kinh doanh và hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn đã góp phần quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

- Sau 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010) nền kinh tế nước ta đã đạt được một số thành quả cơ bản: Tiềm lực kinh tế được nâng cao, đất nước ra khỏi nước nghèo, kém phát triển.

- Nhờ phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần đã tạo điều kiện cho người lao động phát huy được mọi tiềm năng về lao động, vốn, năng lực quản lý từ đó đã làm cho lao động gắn bó chặt chẽ hơn với lao động.

- Bản chất của nền kinh tế thị trường đòi hỏi sự tồn tại của các chủ thể kinh tế độc lập dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Các chủ thể này hoàn toàn độc lập, tự chủ trong việc quyết định: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai? Họ tự chịu trách nhiệm đối với quyết định sản xuất kinh doanh của bản thân dựa trên những tín hiệu thị trường. Chính yếu tố này đã thúc đẩy người lao động chịu khó tìm tòi, học hỏi để nâng cao năng lực của mình nhằm có thể tồn tại được trong nền kinh tế thị trường. Đặc biệt với sự dẫn dắt định hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa thì nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đặt việc coi các mục tiêu xã hội và phát triển con người (công bằng xã hội, phúc lợi cho người nghèo và cho người lao động, quyền tự do phát triển của mọi người dân, v.v.) là mục tiêu của chính quá trình phát triển kinh tế thị trường. Bên cạnh đó Nhà nước dẫn dắt nền kinh tế thị trường phát triển không chỉ nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mà cả mục tiêu phát triển và hiệu quả xã hội.

- Trong nông nghiệp: lao động thủ công chuyển từ lao động tập thể hóa sang lao động cá thể làm tăng tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của người lao động. Cụ thể là năng suất lao động trong nông nghiệp và các



ngành nghề đã tăng lên nhiều lần. Theo số liệu từ *nguồn website Chính phủ* về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2013:

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản sáu tháng đầu năm theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 349,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4 % so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm nông nghiệp đạt 254,9 nghìn tỷ đồng, lâm nghiệp đạt 11 nghìn tỷ đồng, thủy sản đạt 83,3 nghìn tỷ đồng [1,5].

- Trong doanh nghiệp nhà nước do sự phân công lao động và quản lý, phân phối tốt hơn nên đã làm tăng thêm tinh thần trách nhiệm của người lao động và khắc phục được một phần tình trạng lãng phí trước đây.

- Kinh tế tư nhân đã thực sự thu hút được một lực lượng lao động rất lớn, giải quyết được việc làm và thu nhập cho đông đảo quần chúng cụ thể: Sự phát triển kinh tế tư nhân trực tiếp đóng vai trò trong quá trình về tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội.

Trong tổng số lao động được tạo việc làm hằng năm thì khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm tới 90%. Điều đó cho thấy khu vực kinh tế tập thể, tư nhân với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thu hút lao động khá nhiều. Trong các lĩnh vực kinh tế thủ công nghiệp và dịch vụ thu hút lao động lớn, tới 1,15 triệu lao động, các địa phương thuộc ba vùng kinh tế trọng điểm thu hút khoảng 98 vạn lao động.

Khả năng tạo thêm việc làm của khu vực kinh tế Nhà nước còn có hạn nhất là về thu hút số lượng lao động. Quy mô kinh doanh hợp pháp càng lớn càng được coi trọng chính đó là con đường tạo cầu, tăng cầu về lao động, làm cho nhu cầu số lượng lao động ngày càng lớn với cơ cấu chất lượng ngày càng cao là trực tiếp mở rộng cơ hội để mọi người lao động có điều kiện tìm kiếm việc làm phù hợp, phấn đấu nâng cao trình độ và tăng thu nhập. Các doanh

nghiệp ngày càng mở rộng về số lượng chất lượng đòi hỏi nhân lực có trình độ chuyên môn vững vàng.

Tuy nhiên ở nước ta đã và còn một thực trạng là “cung về lao động rất lớn, nhưng nhu cầu chưa đủ mạnh” khiến quá nhiều người dân chưa có cơ hội tìm việc làm, càng khó tìm việc làm phù hợp. Hiện nay do tiềm lực kinh tế còn yếu, GDP còn thấp, nên Hiến pháp nước ta chưa thể đặt nhiệm vụ nhà nước và xã hội bảo đảm quyền có việc làm của công dân, càng chưa thể bảo hiểm thất nghiệp với mọi người lao động. Gánh nặng này đang buộc gia đình tự lo. Chính vì thế, nên nước ta càng sớm càng tốt phải đi tới trình độ phát triển đến mức cầu lao động lớn hơn cung, tức là khan hiếm lao động nhất là lao động với chất lượng cao. Chỉ đến lúc ấy, thu nhập lao động mới chắc chắn đạt mức cao, thất nghiệp được bảo hiểm trên toàn xã hội. Như vậy, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước là con đường xây dựng và toàn dụng lao động với trình độ và chất lượng ngày càng cao nhằm mưu cầu tự do, hạnh phúc và phát triển toàn diện con người và cộng đồng lao động.

Sự phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã thực sự góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, huy động ngày càng nhiều nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trên bình diện chung toàn xã hội, sự phát triển kinh tế tư nhân những năm vừa qua đã trực tiếp góp phần vào việc tăng ngân sách Nhà nước, đóng góp đáng kể vào sự gia tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) toàn xã hội chiếm 42,26% GDP toàn xã hội. Trong đó, hộ kinh doanh chiếm 34,8%, hộ nông dân ngoài HTX là 15,08%, hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp là 19,72%. Kinh tế tư nhân thu hút thêm hàng vạn lao động. Xét một cách cụ thể, không kể các lao động làm việc tại các doanh nghiệp, công ty có vốn lớn thì lao động ở các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ đã có thu nhập ổn định

đời sống, thu nhập của họ có khi chủ yếu từ các nguồn vốn đó mà đây là chiếm bộ phận khá lớn, giúp họ thoát khỏi cảnh nghèo đói dai dẳng, đó là tín hiệu đáng khích lệ của khu vực kinh tế này. Việc xoá đói giảm nghèo ở nước ta đã thực hiện rất thành công ở các vùng nông thôn, trung du miền núi, đây là bộ phận dân cư chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ nghèo đói trước đây khá lớn nhưng hiện nay đã giảm nhiều nhờ chính sách đúng đắn của nhà nước với các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện của từng hộ như cho vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật phương hướng, điều đó đã mở ra một cuộc sống tuy chưa đầy đủ nhưng là tín hiệu đáng mừng cho nhiều hộ gia đình.

- Sự nghiệp đổi mới ở nước ta đã diễn ra quá trình khắc phục chế độ công hữu hình thức, từ đó làm xuất hiện nhiều loại hình, hình thức sở hữu khác nhau, làm cho quan hệ sở hữu phù hợp, kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất, khai thác mọi tiềm năng để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người lao động vì vậy Nghị quyết đại hội IX nhấn mạnh:

Chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản, xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế xã hội lâu dài, qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. [18]

- Cùng với sự biến đổi của cơ cấu xã hội (mà cốt lõi là cơ cấu các giai tầng xã hội), tính năng động xã hội của mọi tầng lớp dân cư được phát huy, đời sống của đại đa số người dân trong nước được cải thiện. Ở thời kỳ trước đổi mới, do chủ trương đẩy mạnh cải tạo tất cả các thành phần kinh tế gọi là phi xã hội chủ nghĩa để nhanh chóng xây dựng một nền kinh tế "thuần nhất" dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể, kéo theo sự ra đời của một cơ cấu xã hội giản đơn, gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xuất thân từ công nông (gọi tắt là "hai giai, một tầng").

Khi chuyển sang thời kỳ đổi mới, cùng với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức đi đôi với xây dựng xã hội học tập, thì cơ cấu các giai tầng xã hội đã biến đổi theo hướng ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Cơ cấu đó giờ đây không còn bị bó hẹp trong khuôn khổ "hai giai, một tầng" nữa mà bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân, tầng lớp những người lao động tự do, v.v. Ngay trong từng giai tầng xã hội cũng diễn ra sự phân tầng về nghề nghiệp, trình độ học vấn, chuyên môn và thu nhập, có cả những nhóm vượt trội và những nhóm yếu thế.

Thực tế đã chứng tỏ, sự biến đổi của cơ cấu các giai tầng xã hội theo hướng kể trên đã có tác dụng làm cho từng người, từng gia đình dù thuộc bất cứ giai tầng xã hội nào cũng phải tìm mọi cách khai thác các tiềm năng về vốn, lao động, kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm làm ăn để lo liệu cuộc sống của bản thân, gia đình và góp phần xây dựng đất nước.

Chính tính năng động xã hội ấy dường như là một "phép lạ" đã có tác dụng nhanh chóng đẩy lùi tình trạng suy thoái, trì trệ ở thời kỳ bao cấp trước đây và thổi luồng sinh khí mới làm chuyển biến rõ rệt tình hình sản xuất và đời sống ở cả thành thị và nông thôn.

Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê: đã có khoảng 80 - 85% gia đình tự đánh giá có mức sống khá lên so với trước và tổng sản phẩm trong nước (GDP) sáu tháng đầu năm 2013 ước tính tăng 4,90% so với cùng kỳ năm 2012. [1,3]

Đáng chú ý là nhận thức của xã hội về việc làm và giải quyết việc làm đã có sự chuyển biến đáng kể. Không chờ đợi Nhà nước và tập thể, người lao động ngày càng có ý thức chủ động tạo ra việc làm cho mình và cho người

khác. Từ chỗ bao cấp toàn bộ trong giải quyết việc làm, Nhà nước đã chuyển trọng tâm sang xây dựng pháp luật (Bộ Luật Lao động 1994), tạo lập cơ chế, chính sách nhằm hướng dẫn và hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm mới. Theo báo điện tử của ĐCS ra ngày 20/10/2012 cho hay:

Từ năm 1991 đến năm 2000, trung bình mỗi năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người có công ăn việc làm; từ 2001 đến 2005, con số đó tăng lên 1,4 - 1,5 triệu người. Dù trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về lao động, nhưng Việt Nam vẫn xây dựng được thị trường lao động đa dạng phong phú, hàng năm đưa được số lao động ra nước ngoài ngày càng nhiều. Chỉ tính trong 3 năm (2006 – 2008) trung bình mỗi năm đưa được hơn 83.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài, chiếm khoảng 5% tổng số lao động được giải quyết việc làm trong cả nước. Và tính đến nay đã có khoảng 500.000 lao động Việt Nam làm việc ở 40 quốc gia và vùng lãnh thổ với hơn 30 nhóm ngành nghề. [45]

Đề hội nhập với thế giới về chính sách lao động, trong những năm qua Việt Nam đã lần lượt ký kết và thực hiện các văn bản pháp lý quốc tế quan trọng về quyền lao động như: xóa bỏ lao động cưỡng bức, xóa bỏ phân biệt trong tuyển dụng và nghề nghiệp, xóa bỏ hình thức lao động trẻ em.v.v.

- Chủ trương của Đảng và Nhà nước cho phép các thành phần kinh tế hoạt động bình đẳng đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển góp phần vào sự phát triển chung của đất nước cụ thể như: tạo ra nhiều việc làm cho người lao động giúp giải quyết nguồn lao động dư thừa; trong sản xuất kinh doanh nhờ có các nguồn vốn đầu tư cùng với khoa học kỹ thuật nên đã mang lại năng suất hiệu quả cao.

- Đất nước phát triển nên Nhà nước và các cơ quan đoàn thể có điều kiện phát triển tốt các chính sách phúc lợi xã hội nhằm đảm bảo cho người lao động ngày càng có cuộc sống tốt hơn. Giúp các vùng miền trong cả nước giảm bớt sự chênh lệch về mọi mặt.

Như vậy: Nhờ vào đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước nên đã phần nào khắc phục được tình trạng tha hóa lao động đã diễn ra trước đó.

### **2.3. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA LAO ĐỘNG CÒN BỊ THA HÓA TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC**

Như ở trên tác giả đã khẳng định là trong giai đoạn hiện nay với đặc điểm và điều kiện của đất nước thì tình trạng tha hóa lao động là vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên nó không giống với những gì mà C. Mác đã trình bày trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” về xã hội tư bản thời ông sống mà nó biểu hiện ở những khía cạnh sau:

#### ***Tha hóa trên lĩnh vực kinh tế:***

- Mặc dù xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa nhưng để tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển Đảng và nhà nước ta đã cho phép các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài tồn tại và phát triển. Mục đích là góp phần khai thác các tiềm năng của đất nước như tài nguyên đất đai, khoáng sản, lao động, v.v và không thể phủ định những đóng góp to lớn mà các thành phần kinh tế này đã mang lại trong nhiều năm qua.

Tuy nhiên bên cạnh những yếu tố tích cực đó chúng ta không thể không kể đến những tiêu cực mà những thành phần kinh tế này mang lại trong đó có tính chất bóc lột giá trị thặng dư của những chủ tư bản đối với lao động nước ta. Văn kiện Đại hội VI của Đảng đã vạch rõ:

Nước ta mới đang ở chặng đường đầu tiên, tức giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội: Điều này có nghĩa là nước ta không phải là

một nước tư bản chủ nghĩa, cũng không theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đó quy luật giá trị thặng dư không phải là quy luật cơ bản chi phối sự vận động và phát triển của đất nước. Nhưng nước ta cũng chưa phải là một nước xã hội chủ nghĩa mà trong đó hiện tượng người bóc lột người đã bị xóa bỏ, mà nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta mới chỉ là nền kinh tế có định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì thế tất nhiên sẽ xuất hiện hiện tượng thuê lao động và lao động làm thuê hay nói cách khác là hiện tượng mua bán lao động. Vậy thì đương nhiên tình trạng tha hóa lao động là không thể tránh khỏi. [15, 50]

Những nhà kinh doanh, đầu tư từ nước ngoài muốn kiếm nhiều lợi nhuận nên họ đã bắt chắp các thủ đoạn nhằm bóc lột sức lao động, coi thường nhân phẩm, mạng sống của người công nhân. Hiện tượng công nhân đình công phản đối giới chủ diễn ra thường xuyên là một biểu hiện của tình trạng lao động còn bị tha hóa:

Thông tin từ một hội nghị tổng kết liên quan đến tình hình này do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức hồi đầu năm 2012 cho thấy:

Từ năm 1995 đến nay, cả nước đã xảy ra 4.142 cuộc đình công. Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản... chiếm 75,4% với 3.122 cuộc. Năm 2011, số vụ đình công đạt mức kỷ lục với 978 vụ so với năm 2010 là 422 vụ, năm 2009 là 218 vụ, năm 2008 là 720 vụ... [38].

Nguyên nhân trực tiếp, chủ yếu để dẫn đến tình trạng đình công diễn ra thường xuyên vẫn là do thu nhập quá thấp so với cường độ lao động mà người lao động phải thực hiện, thời gian mà người lao động phải bỏ ra; chủ doanh nghiệp vi phạm pháp luật lao động và Luật công đoàn, không giải quyết kịp

thời kiến nghị hợp pháp của người lao động. Đây chính là những biểu hiện của sự tha hóa lao động mà như Mác đã phân tích ở trên.

- Tình trạng sở hữu nhà nước và tập thể bị xâm phạm do quản lý kém và do thái độ của người dân coi sở hữu công cộng là của người khác không phải của chính mình.

- Trong doanh nghiệp nhà nước sự thua lỗ của một loạt doanh nghiệp nhà nước có nguyên nhân là những người quản lý chỉ lo làm giàu cho bản thân bằng tham nhũng, còn công nhân thì lao động không có năng suất. Đây cũng là một dạng biểu hiện của tình trạng lao động bị tha hóa trong doanh nghiệp nhà nước. Cụ thể là sự làm ăn thua lỗ của các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước trong thời gian qua đã làm hao tổn tài sản của Nhà nước và nhân dân.

*Ví dụ như:* Theo báo cáo, tính tới cuối năm 2009, tổng tài sản của tập đoàn Vinashin là hơn 104.000 tỷ đồng, trong đó có hơn 80% (86.000 tỷ đồng) là nợ phải trả. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinashin dựa hoàn toàn vào vốn vay. Bên cạnh đó, đến hết năm 2009, Vinashin không còn bảo toàn được vốn Nhà nước giao, để thâm hụt gần 5.000 tỷ đồng.

- Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm được cải thiện, các cân đối vĩ mô chưa thực sự vững chắc. Biểu hiện là năng suất lao động (NSLĐ) còn thấp so với các nước trong khu vực. Theo *Tài liệu nghiên cứu văn kiện Đại hội IX của Đảng* (2004) cho hay:

NSLĐ của Trung Quốc gấp 2,6 lần và Thái Lan 4,3 lần năng suất lao động của Việt Nam. Tiêu hao năng lượng của Việt Nam đang còn ở mức lớn: Để tạo ra 1 USD trong GDP, Việt Nam đã phải tốn lượng điện năng bằng 4,65 lần Hồng Kông, gần 2,1 lần Hàn Quốc, gần 3,12 lần Singapo, khoảng 1,37 lần Thái Lan và 1,69 lần Malaixia.[30, 53- 54].



- Thể chế KTTT chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước, sức sản xuất chưa được giải phóng triệt để.

- Nhà nước chưa kiểm soát được đầy đủ các quan hệ thị trường, còn tồn tại các yếu tố đầu cơ: Ví dụ thời gian vừa qua diễn ra tình trạng đầu cơ Vàng, đất đai, nhà ở xã hội.v.v.

- Kết cấu hạ tầng phát triển chậm, chất lượng thấp, thiếu đồng bộ đang cản trở sự phát triển của đất nước.

Như vậy cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường thì tình trạng tha hóa trên lĩnh vực kinh tế ngày càng biểu hiện trầm trọng hơn. Gây ra những hậu quả hết sức to lớn cho xã hội.

#### ***Tha hóa trên lĩnh vực chính trị:***

Sự bóc lột về sức lao động trong lĩnh vực kinh tế đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng hiện nay ở nước ta là một thực tiễn không thể phủ định, và đó được coi là tất yếu do điều kiện đất nước quy định. Nhưng ngoài ra còn có vấn đề bóc lột dựa vào quyền lực (tha hóa quyền lực), thể chế và chính sách mà chúng ta cũng không thể bỏ qua. Thể hiện ở những dạng tha hóa sau:

- *Sự lạm quyền*: Đây là sự tha hoá của quyền lực thể hiện dưới dạng chủ thể nắm quyền lực tự cho mình thêm những quyền mà họ không có được khi được trao quyền. Khuynh hướng này diễn ra trong hầu hết các quá trình nắm quyền lực của chủ thể nhưng diễn biến tăng lên về sau với những hậu quả khó lường trước được. Lạm quyền có thể là sự tạo ra thêm quyền lực, có thể là mang lại lợi ích không chính đáng cho mình. Đây thực chất là việc trái phép dưới dạng vượt quá giới hạn, làm biến dạng quyền lực. Nó thường phụ thuộc nhiều vào mục đích của người nắm quyền lực. Nói cách khác thì sự lạm quyền chính là sự lợi dụng địa vị có sẵn của chính chủ thể nắm quyền lực.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự lạm quyền là do thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực một cách hợp lý của người trao quyền đối với người nắm quyền và hậu quả của nó là sự thiệt hại cho lợi ích xã hội và tự do của con người.

- *Sự lộng quyền*: Đây là dạng tha hoá quyền lực của chủ thể mà sự liêu lĩnh là dấu hiệu có tính chất đặc trưng. Sự tha hoá này thường do sự thiếu kiểm soát nên chủ thể của quyền lực thường “coi trời bằng vung”. Nó vừa là dạng tha hoá, vừa là kết quả của sự tha hoá, trong đó chủ thể của quyền lực muốn làm gì thì làm mà không sợ hậu quả xảy ra thế nào cho đối tượng và cũng không sợ trách nhiệm của mình phải gánh chịu.

*Ví dụ*: Ông Phạm Thanh Phong - Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh là một trong những đối tượng tiêu biểu, đã được báo chí nêu rất nhiều về những vi phạm của ông này về những hành vi “trù dập” cán bộ cấp dưới, chia rẽ nội bộ, gây ra bất bình trong đời sống cán bộ công chức. Đặc biệt chỉ với những góp ý phê bình của bà Vũ Thị Hương - Chánh thanh tra Sở Tư pháp mà ông Phong đã lợi dụng chức vụ quyền hạn, xâm phạm bí mật đời tư của bà.

Sự lộng quyền có thể không nhất thiết xảy ra với chính chủ thể nắm quyền mà có thể do người được uỷ quyền hoặc là người nhiếp chính thực hiện vì sự không trực tiếp chịu trách nhiệm của họ. Họ có thể nhân danh này khác để đổ thừa trách nhiệm cho chủ thể mà họ nhân danh hoặc được bao che bởi những thế lực cao hơn. Trong những trường hợp này, bản thân người nắm quyền thường chỉ có hư danh hoặc quan liêu, không bám sát cuộc sống do cả những yếu tố khách quan và chủ quan xảy ra với họ.

- *Sự vô trách nhiệm*: Sự tha hoá của quyền lực ở đây có thể là thờ ơ hoặc buông xuôi trước trước yêu cầu của việc thực thi quyền lực đã được trao và thường gây thiệt hại cho xã hội và cho chính người trao quyền. Thông thường, sự vô trách nhiệm đến từ những người được trao quyền lực mà không có năng

lực và không ý thức được ý nghĩa của công việc được giao. Người nắm quyền lực càng cao mà thiếu trách nhiệm thì hậu quả càng lớn. Nhiều khi, sự thiếu trách nhiệm còn được thể hiện trong việc ra các quyết định mà không lường trước về hậu quả của quyết định đó do thiếu cân nhắc, thẩm định trước khi ra quyết định.

*Ví dụ* gần đây là những vụ liên quan đến ngành Y tế. Như y tá không tuân thủ quy trình tiêm vacxin cho trẻ dẫn đến sự chết chóc thương tâm của nhiều cháu bé mới chào đời; hoặc bác sỹ phẫu thuật thẩm mỹ gây chết người rồi phi tang thi thể, v.v.. Tất cả những vụ việc xảy ra đó là do sự vô trách nhiệm của thầy thuốc, bác sỹ nhưng cao hơn đó là sự vô trách nhiệm của cơ quan chức năng khi thờ ơ trong việc quản lý để dẫn đến những sự việc đau lòng nói trên.

Những vấn đề trên làm cho niềm tin vào người nắm quyền lực bị sụt giảm và kéo theo sự bàng quan của cả đối tượng của quyền lực.

- *Lợi dụng quyền lực*: Sự tha hóa này hình thành dần trong quá trình thực thi quyền lực. Gần như trong tất cả các chế độ xã hội, người nắm quyền lực đều sử dụng quyền lực để phục vụ cho lợi ích cá nhân hoặc bộ phận. Từ ảnh hưởng của quyền lực, các chủ thể nắm giữ quyền lực có thể “tranh thủ” chi phối đối tượng, đặt ra những đòi hỏi cho họ và buộc phải đáp ứng các yêu cầu quá đáng của họ. Trong trường hợp này, người ta không thể có được lợi ích nếu họ không phải là người nắm giữ quyền lực hoặc lợi dụng được người nắm quyền lực.

Sự tha hóa này là diễn biến tự thân của quyền lực nhưng cũng có thể do sự tác động từ những người xung quanh mà đặc biệt là những người thân thích như vợ, con của họ và đây lại là nguyên nhân quan trọng làm cho sự tha hóa diễn ra nhanh hơn. Sự lợi dụng quyền lực cũng là một biểu hiện của sự lạm

quyền. Nói chung thì những lợi ích mà chủ thể có được là những lợi ích không chính đáng. Nó kéo theo sự mất niềm tin của xã hội, của những đối tượng của quyền lực và hệ quả của nó là “thượng bất chính, hạ tắc loạn”. Đối với nhà nước thì đây là một nguy cơ rất lớn mà chúng ta đã xác định trong thời gian gần đây là tình trạng tham nhũng của các quan chức trong các cấp chính quyền.

- *Tham quyền cố vị*: Khi người cầm quyền không thực sự còn khả năng và mất uy tín trước đối tượng, họ không xứng đáng với sự ủy quyền của xã hội hay sự trao quyền của ai đó nhưng họ bằng mọi cách họ muốn giữ lại địa vị vốn có trước đó của họ. Khi đó họ không từ một thủ đoạn nào để loại trừ đối thủ nên quyền lực bị tha hóa hết sức nhanh chóng. Mục tiêu của việc thực hiện quyền lực là để giữ quyền lực chứ không phải là để phụng công. Các thế lực thù địch với người tham quyền cố vị sẽ ngày càng nhiều hơn, phần vì bản thân họ bị đàn áp, phần thì họ không phục, phần khác là do khi đó có nhiều thế lực cùng nhóm ngó để giành lấy quyền lực. Kinh nghiệm lịch sử ở nước ta và trên thế giới cho thấy, chính sự giằng co giữa các thế lực cũ lạc hậu, phản động với những thế lực cấp tiến và các lực lượng thù địch sẽ dẫn tới mâu thuẫn cần được giải quyết bằng cách mạng xã hội. Đó sẽ là kết quả tất yếu của sự tha hóa kiểu này.

- *Quan liêu*: Sự quan liêu là biểu hiện của sự tha hóa mà chủ thể của quyền lực không bám sát vào thực tế, không dựa trên những cơ sở thực tế trong quá trình hành xử quyền lực. Thông thường, khi quyền lực được thiết lập, tự nó đã có khuynh hướng thoát ly khỏi người trao quyền. Quyền lực công cộng của toàn xã hội (quyền lực công) dần dần bị biến đổi, dần dần xa rời bản chất ban đầu của nó.

Sự tha hóa về quyền lực nhà nước nếu không được ngăn chặn một cách hữu hiệu sẽ dẫn đến tình trạng bất công vốn có của các chế độ xã hội cũ trong

lịch sử: Một là: nhân dân là người đã ủy quyền để tạo nên quyền lực công – đã dần dần không còn kiểm soát được nó nữa, thậm chí mất hẳn quyền lực và trở thành nạn nhân của các tệ chuyên quyền, lạm quyền. Hai là: những người đại diện ban đầu của nhân dân sẽ càng ngày trở nên xa lạ với nhân dân, thành kẻ áp bức, bóc lột nhân dân. Quyền lực công dần bị tha hóa, biến thành quyền lực chính trị thuần túy của giai cấp thống trị. Trong quá trình đó, giai cấp thống trị đã biến nhà nước – một cơ quan công quyền – thành một công cụ thống trị giai cấp.

Quá trình phát triển của lịch sử chính trị đã cho thấy sự tha hóa quyền lực nhà nước trong các xã hội cũ thường diễn ra theo hướng bảo vệ lợi ích ích kỷ của giai cấp thống trị. Vì thế, để có thể có đủ sức mạnh bảo vệ đặc quyền của mình, giai cấp thống trị thường tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng: đồ sộ hơn mức cần thiết, bộ máy quan liêu nhiều tầng nấc và phức tạp hơn nhu cầu quản lý; đội ngũ quản lý ngày càng đông đảo hơn nhu cầu thực tế; chi phí cho nhà nước ngày càng tăng cao hơn mức cần thiết. Bởi vì chỉ nhờ vào các yếu tố này nhà nước mới tự nuôi sống nó bằng các phương thức vơ vét, bóc lột nhân dân, và tham nhũng chỉ là một loại hành vi của quá trình tự nuôi sống của nhà nước quan liêu, chuyên chế hoặc gọi cách khác là dã man (khác với nhà nước văn minh) mà thôi.

- *Sự bất lực*: Thông thường, sự tha hóa này được thể hiện trong việc người nắm quyền lực dần mất đi thực quyền hoặc kém khả năng quyết đoán. Sự không thực quyền của người nắm quyền lực thể hiện việc họ chỉ có danh mà không có sức mạnh để áp đặt ý chí và thường bị thao túng bởi một thế lực nào đó và quyền lực sẽ dần rơi vào tay các thế lực này. Khi quyền lực rơi vào tay những người nhiếp chính hay quyền thần thì quyền lực sẽ bị tha hóa rất nhanh. Lịch sử đã chứng kiến rất nhiều sự tha hóa kiểu này mà kết quả thường là sự sụp đổ của một vương triều, kể cả khi đó là một vương triều đã từng rất

thịnh vượng. Bên cạnh đó, sự tha hóa còn thể hiện ở sự nhu nhược của người cầm quyền. Đó là sự không quyết đoán khi có các tình huống chính trị nhạy cảm do lo sợ trách nhiệm về hậu quả của các quyết định nên dễ vượt mất cơ hội hoặc không thể vẫn hỏi được tình hình để kiểm soát quyền lực. Sự tha hóa này dẫn đến nguy cơ của tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ.

Thêm nữa trong cơ quan nhà nước vẫn còn tình trạng quản lý kém nên lao động vẫn còn bị lãng phí rất nhiều. Người lao động trong cơ quan nhà nước vẫn chưa đem hết năng lực và tận dụng hết thời gian cho lao động tập thể. Ví dụ, nhiều công chức đến cơ quan chỉ để đọc báo, làm việc riêng mà không làm chuyên môn là thực trạng chung đang diễn ra ở nước ta giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của hệ thống chính trị còn chông chéo, sự phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt. Cũng theo *Tài liệu nghiên cứu văn kiện Đại hội IX của Đảng (2004)* cho biết: “Cải cách hành chính còn chậm, thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà, vướng mắc, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng” [30, 62].

Như vậy, trong giai đoạn hiện nay ở nước ta tình trạng tha hóa về chính trị đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng thể hiện rõ nhất là các cá nhân nắm quyền lực đã lợi dụng chức quyền để trục lợi cho bản thân, làm suy thoái đất nước.

#### ***Tha hóa trên lĩnh vực đạo đức:***

Ngày nay trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường tình trạng tha hóa về mặt đạo đức ở nước ta đang diễn ra ngày càng trầm trọng thể hiện:

- Sự phát triển nha chóng và nhiều mặt của thế giới ngày nay và nền kinh tế thị trường đang tác động trực tiếp đến mọi quốc gia, đã và đang làm chao đảo mọi giá trị tinh thần nói chung và đạo đức nói riêng, hiện tượng tha hóa

đạo đức là có thật và đang trở thành mối lo ngại hàng đầu của tất cả các quốc gia trong đó có Việt Nam.

Ngay từ khi nước ta bước vào thời kỳ phát triển nền kinh tế thị trường bên cạnh những mặt tốt đạt được đã xuất hiện những cách sống và lối sống xa lạ, trái với các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Bất chấp những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, một bộ phận các tầng lớp, các thành phần của xã hội khi mưu cầu lợi ích cá nhân đã sẵn sàng chà đạp lên những khuôn mẫu, những giá trị đạo đức đích thực. Nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và các tệ nạn xã hội khác đang ngày càng phát triển tràn lan. Trước hết phải kể đến một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. Trong *Hướng dẫn kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI* chỉ ra:

Phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định mục tiêu, sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao, không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, dao động, mơ hồ, mất phương hướng, cho rằng theo con đường nào, xã hội nào cũng được, phụ họa theo nhận thức sai trái, quan điểm lệch lạc, nói và làm trái Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, quy định của Đảng, thậm chí a dua, xuyên tạc, bôi đen. [40]

- Biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong *Hướng dẫn kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI* cũng chỉ ra:

Là sa vào chủ nghĩa cá nhân, sống ích kỷ, thực dụng, vụ lợi, lo vun vén cho bản thân và gia đình, không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, để vợ (chồng), con và người thân lợi dụng chức quyền của mình để trục lợi, tiến thân; là cơ hội, hám danh, chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp; là đố kỵ, kèn cựa địa vị, cục bộ, bè phái, gây

mất đoàn kết trong Đảng; là quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, nỗi khổ của nhân dân, bất chấp đạo lý, dư luận vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm; là kiêu ngạo, tự phụ, gia trưởng, độc đoán, tùy tiện, vô tổ chức, tham nhũng, lãng phí, sống xa hoa, hưởng lạc. [40]

- Tính chất nghiêm trọng của suy thoái đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên hiện nay là đang có xu hướng lan rộng trong nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng mà chủ yếu tập trung vào những điểm sau:

Chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng chưa được ngăn chặn. Đó là thái độ vô trách nhiệm, chỉ lo vun vén cá nhân, kiếm lợi trước mắt, bỏ qua lợi ích lâu dài. Điều đáng lo ngại là lối sống này không chỉ diễn ra ở số cán bộ, đảng viên trẻ, ít được rèn luyện mà còn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã qua thử thách trong chiến đấu, sản xuất nay có chức, có quyền. Lối sống cơ hội, buông thả. Các loại “chạy chọt”; bệnh thành tích, bệnh nói dối. Một số sống buông thả, sử dụng tiền công quỹ để ăn chơi sa đọa, xa xỉ vi phạm luân thường, đạo lý. Lời nói không đi đôi với việc làm. Nói nhiều làm ít, “nói một đằng làm một nẻo”, phát ngôn bừa bãi, v.v.

Quan liêu, xa dân, thích nghe thành tích, ngại nghe sự thật. Điển hình là bệnh hình thức, bệnh thành tích đã và đang làm tổn tiền nhà nước, công sức của nhân dân.

Đạo đức nghề nghiệp không được đề cao và gương mẫu thực hiện. Có những lĩnh vực tưởng chừng như không thể xảy ra nhưng vẫn có tiêu cực, tham nhũng. Chẳng hạn như: giáo dục, y tế, cứu trợ xã hội, v.v.

Sự toan tính, vụ lợi của một số cán bộ, đảng viên có chức quyền. Điều này thể hiện tính thương mại trong hôn nhân, quan hệ gia đình, trong tổ chức cưới, đám giỗ, tân gia, mừng thọ, mừng bằng cấp, v.v.



Tham nhũng, lãng phí là nguy cơ lớn nhất đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Thứ nữa phải kể đến là một bộ phận lớp trẻ hiện nay có tâm lý sống thực dụng, buông thả, có tâm lý sùng bái đồng tiền, coi tiền là thước đo tất thảy mọi thứ, làm cho tình cảm giữa các cá nhân con người với nhau ngày càng trở nên xa lạ, tha hóa.

Do đó chúng ta không thể chấp nhận một sự tăng trưởng đơn thuần về kinh tế bằng mọi giá mà để cho bản sắc văn hóa dân tộc bị suy thoái, môi trường xã hội bị ô nhiễm, nhân phẩm con người bị hạ thấp và chà đạp, giống nòi có nguy cơ bị suy vong.

Chính nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã từng nhấn mạnh: Trong khi chăm lo phát triển kinh tế, coi đó là nhiệm vụ trung tâm, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng động lực tạo ra sự phồn vinh và phát triển lâu bền của quốc gia, không chỉ đơn thuần là vốn đầu tư, công nghệ tiên tiến và tài nguyên thiên nhiên giàu có, mặc dù điều đó là quan trọng, mà chủ yếu là trí tuệ của con người, đó là khả năng sáng tạo của toàn dân được hình thành từ truyền thống văn hóa của Việt Nam. Đó là kho tàng tri thức, tâm hồn, đạo lý, tính cách, lối sống, trình độ thẩm mỹ của từng người và của cộng đồng dân tộc. Cho nên quá trình phát triển cần phải có sự tính toán, chọn lọc không phải vì lợi ích kinh tế trước mắt mà từ bỏ những chuẩn mực về văn hóa, những giá trị đạo đức truyền thống để du nhập văn hóa và lối sống ngoại lai không phù hợp với dân tộc mình.

Thực tế hiện nay ở nước ta, trong lĩnh vực đạo đức xã hội đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa cái thiện và cái ác, giữa lối sống lành mạnh, có lý tưởng, trung thực, có ý thức xây dựng đất nước với lối sống thực dụng, ích kỷ, sa đọa. cái mới, cái tiến bộ đang ngày càng được du nhập vào nhưng bên cạnh đó cái xấu cũng len lỏi theo. Vì vậy, vấn đề

đặt ra cho chúng ta là phải “gạn đục, khơi trong”, phải tăng cường giáo dục đạo đức cho toàn xã hội, nhất là cho lớp trẻ. Bởi vì giáo dục đạo đức sẽ góp phần vào việc thức tỉnh lương tâm, tạo ra một hành lang trách nhiệm đạo đức cho hoạt động năng động của mỗi con người sẽ làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên. Đảng ta đã từng nhấn mạnh: Từ nay đến năm 2010 chúng ta đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong gia đình phải tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng, đạo đức, lối sống – một lĩnh vực then chốt trong đời sống văn hóa của dân tộc.

***Tha hóa trên lĩnh vực giáo dục:***

Giáo dục là khâu trực tiếp giúp con người có những năng lực cơ bản để phát triển bản thân nhưng do sự tha hóa trong giáo dục nên con người không được trang bị đầy đủ những kiến thức để rèn luyện những năng lực mà cuộc sống cần. Chính vì vậy sau bao nhiêu năm tiến hành đổi mới hệ thống giáo dục mà hệ thống này vẫn dậm chân tại chỗ. Hệ lụy của nó đưa đến là ngày càng làm cho đất nước không phát triển nổi. Do đó xem xét tha hóa trên lĩnh vực giáo dục là yêu cầu hết sức cần thiết. Nó biểu hiện ở những dạng sau:

- Chúng ta đã dừng quá lâu ở một nền giáo dục *chú trọng trang bị kiến thức chuyên môn*. Không khó nhận ra điều này. Các chương trình đào tạo từ phổ thông đến đại học, sau đại học đều dày đặc các kiến thức cụ thể. Với lượng tri thức mới được sản sinh ngày càng nhiều và liên tục được cập nhật vào chương trình thì tình trạng *quá tải* là không thể khắc phục, nếu không nói là sẽ ngày càng trầm trọng hơn. Việc nhớ những kiến thức ấy đã khó, vận dụng nó vào cuộc sống lại còn khó hơn. Tri thức cụ thể dù cho mới đến đâu vẫn là *cái đã biết* nên luôn lạc hậu so với thực tiễn.

Theo triết lý trọng kiến thức chuyên môn nên các trường đại học ở Việt Nam được tổ chức theo hệ thống đại học chuyên ngành. Mỗi ngành hay một khối ngành có một (một số) trường đại học, như trường đại học Thủy lợi, trường đại học Xây dựng, trường đại học Nông nghiệp, trường đại học Kiến trúc, trường đại học Y, trường đại học Dược, v.v. Những trường đại học chuyên ngành đã đáp ứng rất tốt nhu cầu nhân lực cho nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây, nhưng đang bộc lộ những bất cập trước nhu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh kinh tế thị trường. Nhiều trường đang tự phát triển theo hướng đa ngành hóa. Hạn chế của những trường chuyên ngành (đơn ngành) còn ở chỗ hạn chế việc nghiên cứu và giảng dạy theo hướng liên ngành và rất thiếu sự bổ sung cho nhau giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

Để phục vụ mục tiêu giáo dục trang bị kiến thức chuyên môn, hệ thống phân loại môn chính, môn phụ cũng được tiến hành một cách giản đơn như đương nhiên phải thế (trong khi đó phương châm của Đảng là giáo dục toàn diện).

Đặc biệt nghiêm trọng là hệ thống thi cử, đánh giá. Coi việc nhớ kiến thức chuyên môn là quan trọng nhất nên việc thi cử tuyển đầu vào, kiểm tra trong quá trình học tập và đánh giá đầu ra đều lấy việc hỏi kiến thức cụ thể làm mục tiêu chủ yếu. Phương thức thi cử nhằm đánh giá kiến thức chuyên môn (cụ thể) sinh ra hệ lụy nan giải và những căn bệnh trầm kha khó lòng cứu chữa. Đó là học vẹt, học tủ và quay cóp.

Học vẹt là phương thức thông dụng nhất để thuộc lòng. Nhiều người tỏ ra kinh ngạc khi gần đây xuất hiện trên báo *Dân trí* điện tử bài viết:

*Chuyện lạ: Tập đọc ê a tại lò luyện thi ở Hà Nội* của hai tác giả Hà Trang - Xuân Ngọc, nói về hiện tượng cả nghìn học sinh tại lò luyện thi

đại học môn Văn tại quận Cầu Giấy (Hà Nội) mê mãi đọc ê a, thuộc lòng một bài văn mẫu làm sẵn không khác gì học sinh lớp 1 tập đọc [39] .

Nhưng sẽ không có gì là ngạc nhiên khi thấy nhận định của các thầy cô giáo luyện thi nói phương pháp này đảm bảo thi đỗ đại học tới 90% và vì thế, một lớp học đáng kinh ngạc như vậy có cả gần nghìn người chen chúc ngồi học. Hơn thế, khi được phỏng vấn, cô giáo luyện thi tại lớp học này đã trả lời rất tự tin là cô làm thế để đào tạo nhân tài cho đất nước. Nhiều học sinh được luyện tại lò này đã đứng ra lên tiếng bảo vệ cô giáo. Cô giáo không có lỗi, học sinh ca ngợi cách học kỳ lạ này cũng là điều dễ hiểu. Đình chỉ lò luyện thi kiểu này, lại có lò luyện vẹt kiểu khác nếu vẫn tiếp tổ chức thi cử theo phương thức như hiện nay.

Với mục đích kiểm tra kiến thức của hệ thống thi cử thì học vẹt là cách học trung thực nhất. Điều tệ hại là do kiến thức quá nhiều nên người học phải đoán mò, học tủ (tự bỏ bớt nội dung, tập trung học kỹ một số phần để cầu may ra trúng tủ). Phần lớn những lời cầu nguyện của sĩ tử ở Văn miếu hay một cơ sở tâm linh nào khác đều là mong được phù hộ để trúng tủ.

Nhưng tệ hại hơn là người không có khả năng học thuộc, cũng không tin vào may rủi hoặc lười không muốn học thì lại dành tâm sức chuẩn bị rất kỹ cho việc gian lận. Đem theo phao vào phòng thi để có cơ hội là quay cóp. Có cả một công nghệ thu nhỏ phao và hệ thống dịch vụ khổng lồ ăn theo nhu cầu gian lận này. Cho dù có khuyến khích đến đâu những người say mê phát hiện tiêu cực như thầy Khoa, hay cho thí sinh đem theo phương tiện ghi hình để bắt quả tang những kẻ gian lận trong phòng thi cũng sẽ không bao giờ loại được quay cóp ra khỏi thi cử nếu vẫn tiếp tục coi kiểm tra xem thí sinh biết gì thay vì đánh giá năng lực học thế nào.

- Do phải mất quá nhiều thời gian và công sức để “cung cấp và tích lũy kiến thức” cụ thể (luôn quá tải) từ chương trình nên người dạy, người học đều không còn đủ thời gian và sự quan tâm đúng mức cho việc trau dồi phương pháp, kỹ năng, học để hiểu biết về cuộc sống, về thế giới, dung dưỡng tâm hồn và đạo đức, lối sống, v.v. Nói tóm lại là học cách tự học và học làm người. Điều đáng lo ngại là xu thế vị bằng cấp đang trở nên ngày càng phổ biến trong cộng đồng những người đi học. Đi học chỉ cốt để lấy bằng (và tệ hơn là nếu học ít, thậm chí không học mà vẫn có bằng thì càng hay). Nhiều bậc trí giả lo lắng không phải không có cơ sở là xã hội ta ngày càng nhiều những người có học vị, bằng cấp cao, nhưng một đội ngũ trí thức với những nhân cách đáng kính của một tầng lớp dẫn dắt xã hội dường như ngày càng thưa vắng. Hiện tượng này có nhiều nguyên nhân, nhưng căn nguyên chính vẫn là từ chính những hạn chế và yếu kém của giáo dục đào tạo.

- Một hạn chế lớn của giáo dục và đào tạo nước ta là việc dạy và học không gắn chặt với thực tiễn, nhất là các trường đại học. Đa phần các chương trình đào tạo hiện nay là những gì nhà trường và các thầy cô đem áp đặt cho người học, chứ chưa phải là những cái xã hội cần. Có một nguyên nhân quan trọng là ở nước ta trong một thời gian dài, cung và cầu của giáo dục đại học mất cân đối nghiêm trọng. Việt Nam là nước có truyền thống hiếu học và trọng học nên số người có nguyện vọng đi học (đúng ra là số gia đình mong muốn con vào đại học) thì đông mà số trường đại học (tốt) lại rất ít nên các cơ sở đào tạo đại học không có nhiều động lực để đổi mới. Chương trình cũ, phương pháp dạy không thay đổi, chất lượng đào tạo không nâng cao cũng vẫn có rất đông người tranh nhau vào học. Những tiêu chí đánh giá về chất lượng giáo dục quốc tế dường như ảnh hưởng không nhiều lắm đến các trường đại học nước ta.

- Cũng chính vì động lực đổi mới không cao và do một số nguyên nhân khác nữa, nền giáo dục của chúng ta tương đối khép kín. Mặc dù số lượng cán bộ của ngành giáo dục (bao gồm cả quản lý và tham gia giảng dạy) có cơ hội đi thăm quan nước ngoài rất nhiều, nhưng dường như việc học tập nước ngoài chưa có một chương trình thật bài bản với những mục tiêu xác định nên kết quả không như mong muốn. Địa điểm tham quan, vấn đề tìm hiểu trùng lặp, những kiến thức tiếp thu manh mún, thiếu đồng bộ, v.v. Do vậy về cơ bản, hệ thống giáo dục và các chương trình của các cơ sở đào tạo ở nước ta so với các nước tiên tiến trên thế giới còn có khoảng cách khá xa. Và đặc biệt điều đáng nói là tính liên thông quốc tế của hệ thống giáo dục nói chung và của các cơ sở đào tạo nước ta nói riêng còn rất hạn chế. Nếu như ở nước ngoài (kể cả các nước Đông Nam Á), các trường đại học có thể dễ dàng trao đổi sinh viên với nhau vì họ công nhận hệ thống tín chỉ của nhau, thì điều này còn rất khó khăn với các trường đại học nước ta.

Sự liên thông trong nước cũng còn không ít vấn đề. Đó là sự phân luồng trong giáo dục phổ thông trung học, sự liên thông giữa các cấp học, v.v. Điều này khiến cho nền giáo dục chưa phát huy hết được vị trí và vai trò của mình.

- Điều thấy rõ và thường được nói tới nhiều nhất khi đề cập đến những hạn chế của giáo dục Việt Nam là sự thiếu thốn, nghèo nàn về cơ sở vật chất, là chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng đối với đội ngũ những người làm giáo dục. Có thể nói trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có những cố gắng lớn trong đầu tư cho giáo dục: *Việt Nam net, trang Giáo dục ra ngày 27/3/2013 cho hay:*

Riêng năm 2013, mặc dù nền kinh tế đất nước đang trong thời kỳ cực kỳ khó khăn, nhưng kinh phí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề vẫn chiếm 20% tổng chi ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tính ra số kinh phí thực thì so ngay với một trường đại học ở Đông Nam Á (như Singapore,

Thái Lan, Malaysia, v.v.) cũng đã rất thấp. Nguồn kinh phí hạn hẹp lại được sử dụng chưa hợp lý, đầu tư manh mún, giàn trải và hiệu quả thấp (đó là chưa nói tới nguồn lực bị suy hao vì những dự án lãng phí lớn [47]).

Tuy nhiên, điều đáng nói hơn cả là vấn đề đầu tư cho nguồn lực con người. Nếu như đây là nhân tố quan trọng hàng đầu trong tất cả mọi lĩnh vực, thì trong giáo dục đào tạo con người là nhân tố quyết định sự thành bại. Con người ở đây là nói tới cả đội ngũ quản lý các cấp và những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giảng dạy ở các cơ sở. Chất lượng chưa cao ở cả hai lực lượng này dường như không khó khăn lắm để nhận ra. Tuy nhiên điều quan trọng là phải tìm ra nguyên nhân dẫn tới tình trạng đó. Theo tác giả, gốc gác của vấn đề chính là trên thực tế, giáo dục và đào tạo *chưa được coi là quốc sách hàng đầu* như được nêu trong các văn kiện chính thức. Việc tuyển chọn cán bộ quản lý giáo dục cũng như chính sách đãi ngộ khuyến khích người giỏi làm công tác giáo dục còn nhiều bất cập và chưa được chú ý đúng mức.

Trong những năm gần đây, ngành giáo dục đào tạo đã triển khai khá mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa giáo dục. Đây là một chủ trương rất đúng đắn và rất phù hợp với Việt Nam, một dân tộc có truyền thống trọng học, tất cả mọi gia đình đều sẵn sàng “nhịn ăn cho con đi học”. Tuy nhiên, chính sách đúng đắn này dường như đang bị lợi dụng theo hướng nhân danh sự nghiệp trồng người cao cả, núp dưới danh nghĩa phi lợi nhuận, không ít các cá nhân và nhóm người đang trục lợi trong việc thành lập các cơ sở giáo dục tư nhân kém chất lượng. Việc ồ ạt cho phép mở nhiều trường đại học mà cơ sở vật chất còn dưới chuẩn trên thực tế cũng là điều đáng suy nghĩ.

Ngoài ra còn phải kể đến một số nguyên nhân mà chúng ta có thể nhìn thấy ngay trước mắt đó là:

- Là sự thiếu trung thực của giáo viên và đội ngũ quản lý trong ngành giáo dục là biểu hiện cụ thể nhất của tha hóa giáo dục.

- Dạy thêm tràn lan là một biểu hiện của sự tha hóa trong giáo dục tập thể, vì dạy ở trên lớp không có chất lượng, giáo viên và học sinh thờ ơ với việc dạy và học trên lớp.

- Học vì bằng cấp không phải vì kiến thức là một biểu hiện của sự tha hóa trong giáo dục đào tạo.

- Gian lận trong thi cử cũng là một biểu hiện của tha hóa trong giáo dục.

- Thời lượng trong chương trình giáo dục bị chiếm dụng một cách không thương tiếc cho việc truyền giảng những kiến thức kinh viện mà không dạy cho người học phải tự biết chiếm lĩnh những tri thức mới phục vụ tích cực cho cuộc sống. Do đó đầu ra của hệ thống giáo dục là lực lượng lao động thiếu năng lực hay có những năng lực mà không sử dụng được trong thực tiễn.

Như vậy tha hóa trong lĩnh vực giáo dục đã và đang làm cho đạo lý thầy trò bị suy thoái. Điều nguy hại hơn là với việc thị trường hóa lĩnh vực giáo dục đã và đang tạo nên sản phẩm giả và lưu hành những sản phẩm này từ cấp cơ sở đến những bậc cao hơn.



## **Kết luận chương 2**

Như tác giả đã khẳng định ở trên trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội tình trạng tha hóa lao động là không thể tránh khỏi và những biểu hiện của nó hết sức phức tạp ở nhiều khía cạnh. Tuy nhiên công cuộc đổi mới đất nước đã khắc phục được phần nào tình trạng tha hóa đó nhưng nếu đi sâu nghiên cứu mô xê tình hình đời sống xã hội hiện nay thì tha hóa lao động vẫn còn diễn ra và có vẻ như ngày càng nghiêm trọng hơn. Do đó nghiên cứu về lý luận tha hóa lao động của Mác từ đó vận dụng vào xã hội Việt Nam để có cách nhìn đúng hơn nhằm đưa ra những giải pháp để khắc phục tình trạng này.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG THA HÓA, XÂY DỰNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định con đường của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng ta và cả dân tộc đều hiểu rằng chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới có khả năng xóa bỏ tận gốc rễ tình trạng tha hóa lao động. Do đó chủ nghĩa xã hội là tiền đề, điều kiện để giải phóng triệt để con người khỏi mọi áp bức, bất công, khỏi mọi tha hóa để phát triển tự do, toàn diện con người.

Mục đích của chủ nghĩa xã hội sự phát triển tự do và toàn diện của con người, suy cho cùng là vì hạnh phúc của tất cả mọi người. Theo quan điểm duy vật lịch sử, yếu tố quyết định suy cho cùng của sự phát triển xã hội là lực lượng sản xuất, trong đó người lao động là yếu tố hàng đầu. Chính sự tha hóa của lao động là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, chẳng những trong phương thức sản xuất tư bản như C. Mác đã chỉ ra, mà cả trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội như Chương 2 của luận văn đã phân tích. Bởi vì, để phát triển lực lượng sản xuất và tạo ra một năng suất lao động cao, ngoài những điều kiện về vốn, khoa học và công nghệ, trình độ quản lý, trình độ chuyên môn của người lao động, còn phải nói đến một yếu tố cực kỳ quan trọng là *thái độ lao động của người lao động*. Đó đó việc đề ra những giải pháp để tiếp tục khắc phục sự tha hóa của lao động nhằm xây dựng một thái độ lao động mới ở nước ta là vấn đề rất cấp thiết.

### 3.1. MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

- Lao động trong chủ nghĩa xã hội là *lao động tự giác*, người lao động *đem hết sức mình làm việc với năng suất lao động cao*. Không phải ngẫu nhiên mà một nguyên tắc căn bản của lao động được đề ra trong chủ nghĩa xã hội là “*làm theo năng lực, hưởng theo lao động*”. Mục đích của lao động cá nhân trước hết là sự hưởng thụ của cá nhân. Do vậy, người lao động muốn được hưởng thụ ở mức cao thì phải có lao động tương xứng. Còn muốn không làm mà được hưởng, làm ít mà muốn được hưởng nhiều không phải là thái độ lao động trong chủ nghĩa xã hội.

- Lao động trong chủ nghĩa xã hội là *lao động với trình độ khoa học kỹ thuật cao*, do đó người lao động phải có ý thức thường xuyên học tập để nắm vững khoa học kỹ thuật, cải tiến phương pháp nhằm tăng năng suất lao động.

- Người lao động trong chủ nghĩa xã hội phải có ý thức lao động không chỉ cho cá nhân mình mà còn vì lợi ích của xã hội, không chỉ vì lợi ích trước mắt mà còn phục vụ cho lợi ích lâu dài.

Ý thức về sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội và cộng đồng, giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài là một yêu cầu quan trọng trong ý thức của người lao động dưới chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, cá nhân muốn có sự phát triển cho bản thân mình và cho các thế hệ mai sau thì phải có một cộng đồng xã hội thật sự tốt đẹp, do đó việc đóng góp xây dựng cộng đồng ngày nay là trách nhiệm của mọi cá nhân người lao động. Mác và Ăngghen đã khẳng định điều này trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*: “Chi có trong đời sống cộng đồng cá nhân mới có được những phương tiện để có

thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình và do đó, chỉ có trong cộng đồng mới có thể có tự do cá nhân.” [23, 108]

Khi người lao động đóng các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, v.v., thì họ đã ý thức được rằng một phần đóng góp của họ phục vụ cho chính mình và một phần dùng để phục vụ lợi ích của cộng đồng. Ở nhiều nước tiên tiến, người lao động có thu nhập cao phải đóng thuế thu nhập cá nhân cao, như ở Canada thuế thu nhập cá nhân có thể lên tới 45%, một số nước khác có thể lên trên 50%. Tuy nhiên, việc nhà nước thu khoản thuế thu nhập cá nhân đồng thời đảm bảo được những lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của những người lao động có thu nhập cao này thì sẽ không gây ra tình trạng lao động bị tha hóa ở đối tượng này.

Tóm lại, thái độ lao động mới trong chủ nghĩa xã hội có những đòi hỏi cao hơn trong các xã hội trước. Tuy nhiên, để xây dựng được thái độ lao động mới này, trước hết phải khắc phục được những tàn dư và những biểu hiện mới của tình trạng lao động bị tha hóa

### **3.2. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG NHẪM KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG BỊ THA HÓA ĐỂ XÂY DỰNG THÁI ĐỘ LAO ĐỘNG MỚI**

**3.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo sự phù hợp quan hệ sản xuất với trình độ lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất, đảm bảo công bằng xã hội.**

Tình trạng lao động bị tha hóa suy cho cùng là do sự kém phát triển của lực lượng sản xuất, năng suất lao động thấp làm cho người lao động nếu không có sự quản lý chặt chẽ sẽ có tình trạng chây lười, trốn tránh lao động nặng nhọc. Thực tế cho thấy ở những nước công nghiệp phát triển, năng suất lao động cao, điều kiện lao động tốt hơn, thu nhập của người lao động

tương đối cao hơn ở các nước đang phát triển nên tình trạng lao động bị tha hóa đã được khắc phục một phần đáng kể. Chính vì vậy, phát triển lực lượng sản xuất là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng lao động bị tha hóa.

Mặt khác, quan hệ sản xuất cũng có liên quan đến tình trạng lao động bị tha hóa. Chính trong điều kiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ Mác và Ăngghen, lực lượng sản xuất còn tương đối thấp, lao động của người công nhân còn quá nặng nhọc, đồng thời tình trạng bóc lột của giai cấp tư sản, bất công trong phân phối rất lớn là nguyên nhân sâu xa của lao động bị tha hóa như Mác đã phân tích trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học 1844”

Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, lao động vẫn còn chủ yếu là thủ công, năng suất thấp, thu nhập thấp do đó không thể khắc phục hoàn toàn tình trạng lao động bị tha hóa. Để khắc phục tình trạng này cần phải phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đồng thời không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất, “đảm bảo công bằng xã hội trong từng bước phát triển”

### **3.2.2. Xã hội hóa sở hữu tư liệu sản xuất**

Chế độ tư hữu và bóc lột là nguyên nhân của lao động bị tha hóa trong phương thức sản xuất tư bản, như Mác đã phân tích. Tập trung tư liệu sản xuất vào trong tay nhà nước nhưng quản lý kém hiệu quả chẳng những không khắc phục được tình trạng lao động bị tha hóa, mà trái lại làm cho nó biến dạng tồi tệ hơn, như kinh nghiệm ở Liên Xô cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ trước đổi mới cho thấy điều đó.

Do vậy, *xã hội hóa tư liệu sản xuất* (không phải là công hữu hóa hay tư nhân hóa) mới là giải pháp cho vấn đề. Thực hiện 3 hình thức sở hữu,

trong đó *sở hữu toàn dân về những tư liệu sản xuất cơ bản (như đất đai, tài nguyên, rừng, biển, núi, sông, những công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước quản lý) là nền tảng*, đồng thời giao những tư liệu sản xuất cơ bản này cho các doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân), tập thể và cá nhân người lao động sử dụng một cách có hiệu quả và thường xuyên điều chỉnh cho hợp lý. Như vậy sẽ khắc phục được tình trạng “cha chung không ai khóc”, tức khắc phục được sự tha hóa của sở hữu.

### **3.2.3. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa**

Tình trạng lao động bị tha hóa trong thời kỳ trước đổi mới có nguyên nhân ở sự quản lý kém hiệu quả của kinh tế nhà nước và tập thể làm cho năng suất lao động ở những thành phần kinh tế này ngày càng giảm sút, đồng thời với sự gia tăng của tình trạng bất công trong phân phối lao động và sản phẩm. Kinh nghiệm của hơn 25 năm đổi mới cho thấy, không chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, mà kinh tế tư nhân nếu được quản lý tốt cũng có thể phục vụ tốt cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lao động trong doanh nghiệp tư nhân vẫn có thể khắc phục được tình trạng bị tha hóa nếu có sự quản lý khoa học và phân phối thu nhập một cách công bằng. Do vậy, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa mới sẽ góp phần khắc phục tình trạng lao động bị tha hóa một số có hiệu quả hơn.

### **3.2.4. Mở rộng dân chủ, tăng cường và hoàn thiện vai trò quản lý nhà nước**

Thực hiện dân chủ một cách đầy đủ, thực chất thì mới chấm dứt được tình trạng tha hóa về chính trị. Khi người dân thực sự có quyền thì mới phát hiện và ngăn chặn được những hiện tượng tiêu cực trong đội ngũ cán

bộ, công chức như chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An đã nói: Nếu dân hoặc cơ quan đại diện của dân quyết định mang tính hình thức thì có nghĩa là dân làm chủ hình thức. Dân mà làm chủ hình thức thì Nhà nước sẽ đi tới chỗ quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, tha hóa, biến chất. Do đó cần làm cho người dân thực sự được làm chủ mà biểu hiện ra của việc làm chủ đó là được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của họ và của đất nước.

Những hiện tượng tiêu cực, tha hóa trong bộ máy công quyền phần lớn là do tệ quan liêu, thiếu dân chủ, thiếu cạnh tranh, thiếu sự quản lý chặt chẽ của các ngành, các cấp. Do đó, tăng cường quản lý nhà nước để giảm bớt những hiện tượng tiêu cực.

Kinh nghiệm ở các nước tiên tiến cho thấy, nhờ công tác quản lý nhà nước được thực hiện một cách khoa học và chặt chẽ, nhất là sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, mà nhiều hiện tượng tiêu cực trong hành vi cá nhân và doanh nghiệp đã có thể khắc phục được một cách có hiệu quả. Ví dụ, ở Singapore, Canada và một số nước khác, chính nhờ sự quản lý khoa học và chặt chẽ của nhà nước nên đã hạn chế và ngăn chặn được tình trạng vi phạm luật giao thông, trộm cướp, buôn lậu, trốn thuế, đảm bảo vệ sinh môi trường và thực phẩm tốt hơn ở các nước khác rất nhiều.

Ở Canada, nhà nước thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, và các khoản trợ cấp khác cho người dân, đồng thời buộc các doanh nghiệp cũng phải bảo đảm các lợi ích của người lao động. Chẳng hạn, nhà nước Canada quy định người hay cơ sở nếu thuê mướn lao động một giờ phải đảm bảo trả cho người lao động làm thuê *tối thiểu 10,25 CAD* (CAD tương đương USD), một ngày lao động 8 giờ phải được trả 100 CAD. Như vậy, chẳng những khắc phục được tình trạng bóc lột của người thuê mướn

lao động, mà còn buộc người lao động phải có thái độ lao động tích cực để tương xứng với mức thù lao như vậy.

**3.2.5. Nhà nước và doanh nghiệp phải tạo điều kiện để không ngừng nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn của người lao động để nâng cao mức hưởng thụ của họ một cách tương xứng**

Vì người lao động luôn luôn có nhu cầu nâng cao mức hưởng thụ, do đó nếu doanh nghiệp thiếu quan tâm đến vấn đề này thì tình trạng tha hóa của lao động có thể diễn ra. Do đó, cách tốt nhất là tạo điều kiện để mọi người lao động nâng cao trình độ văn hóa và nghề nghiệp để được được không ngừng được nâng cao mức hưởng thụ của mình.

**3.2.6. Xây dựng thái độ lao động tự giác, tích cực bằng nhiều biện pháp: giáo dục, quản lý, thưởng phạt, v.v..**

Doanh nghiệp cần giáo dục ý thức và thái độ lao động cho người lao động, đồng thời phải *xây dựng được một bản quy tắc ứng xử* cho mọi cán bộ, công nhân, viên chức. Ngoài tiền lương, tiền công, doanh nghiệp cần phải tính toán phân phối giá trị thặng dư của doanh nghiệp một cách công bằng để mọi người lao động kể cả lao động quản lý và lao động trực tiếp đều được hưởng phần lợi nhuận do họ đóng góp tạo ra, không để toàn bộ giá trị thặng dư nằm trong tay người chủ doanh nghiệp như trong phương thức sản xuất tư bản trước đây.

### **3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

**3.3.1. Nhóm giải pháp nhằm phát triển kinh tế.**

- Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, chú trọng hơn nữa vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, với nhận thức sâu sắc về đặc điểm của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền nông nghiệp lạc hậu, Đảng



Cộng Sản Việt Nam luôn khẳng định tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta đã xác định tại Đại hội lần thứ VIII và tiếp tục khẳng định tại Đại hội lần thứ IX và lần thứ X. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X khẳng định:*

Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, v.v. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 [10, 185 - 186].

- Ngoài ra cũng chú trọng tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một chủ trương lớn của Đảng nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn, tạo tiền đề để giải quyết hàng loạt các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, đưa nông thôn nước ta tiến lên trình độ văn minh, hiện đại.

Chính vì tầm quan trọng này nên trong các văn kiện của các kỳ đại hội Đảng đều được đưa ra và bổ sung phát triển tư duy về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và nông dân. *Trong văn kiện đại hội đảng lần thứ XI Đảng đã xác định:*

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hóa, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn [11, 195 - 196].

Thực hiện được những vấn đề này sẽ góp phần phát triển nền kinh tế, đặc biệt là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động ở nông thôn.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế bình đẳng, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo được thật nhiều công ăn, việc làm cho người lao động.

- Tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm năng của các thành phần kinh tế trong đó phát huy vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Trong *Tài liệu bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp khối Đảng, đoàn cho hay:*

Thực tế những năm qua, nhất là trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, càng cho thấy phải khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và vai trò quan trọng, làm nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước, gắn với vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, hạn chế sự phát triển bình đẳng, lâu dài các thành phần kinh tế, mà chính là mở đường, thúc đẩy, tạo điều kiện, tạo động lực cho phát triển các thành phần kinh tế. [43, 14 - 15]

- Kiên trì ổn định kinh tế vĩ mô: Trước bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng là tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Trước hết, đó là cần đổi mới mạnh mẽ việc quản lý đầu tư công, hạn chế và khắc phục cách đầu tư phục vụ nhóm lợi ích; thu hẹp tối đa lối đầu tư mang tính đầu cơ, trục lợi, theo phong trào, chạy theo các giá trị ảo; Tập trung triển khai tái cơ cấu khối doanh nghiệp nhà nước, các ngân hàng thương mại và tái cơ cấu đầu tư công với quy mô và cường độ lớn, thay đổi tư duy về vai trò của doanh nghiệp nhà nước bằng đổi mới cách thức quản trị loại hình doanh nghiệp này.

- Nhà nước cần phải đẩy mạnh sự thay đổi thể chế, loại trừ lợi ích nhóm, chống tham nhũng, minh bạch hóa thông tin. Cần nhận thức đầy đủ hơn quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, xây dựng và hoàn thiện đồng bộ các

loại thị trường, áp dụng đúng đắn các biện pháp quản lý, điều hành theo cơ chế thị trường để sử dụng một cách hiệu quả vốn, tài nguyên, con người, v.v.

- Cần khai thác tốt nhất các yếu tố tăng trưởng kinh tế, đó là huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài nguyên, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, tăng hàm lượng khoa học kỹ thuật, nhập khẩu và sản xuất các loại máy móc, trang thiết bị, quy trình công nghệ tiên tiến, sử dụng tốt hơn nhân tố con người bằng cách nâng cao chất lượng đào tạo bằng các chương trình tiên tiến, áp dụng các kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý và kỹ năng lao động gắn với nhu cầu thị trường.

- Chính phủ vẫn cần thiết thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, linh hoạt, định hướng vào những ngành ưu tiên. Kinh nghiệm của một số nước, đặc biệt là Trung Quốc cho thấy có thể duy trì mức lạm phát thấp mà vẫn có thể đạt được tăng trưởng cao liên tục trong một thời kỳ dài; Tránh nóng vội tăng trưởng nhanh bằng cách lạm dụng yếu tố tiền tệ, thiếu sự kiểm soát để dẫn tới lạm phát cao gây nên các cú sốc như giai đoạn 5 năm từ 2008 đến nay.

- Từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp về thực chất, theo hướng thị trường, nhất là đối với các doanh nghiệp nhà nước nhằm giảm sự thất thoát lãng phí trong sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo môi trường lành mạnh và bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Cần có giải pháp cấp bách nhằm khắc phục tình trạng đình đốn sản xuất, tỷ lệ hàng tồn đọng cao của các doanh nghiệp như thực hiện chính sách miễn giảm thuế, phí, v.v. Hỗ trợ và thúc đẩy tiêu dùng nội địa, chú ý tập trung vào đối tượng thu nhập trung bình và thấp trong xã hội. Thực hiện các chính sách thu hút các nguồn vốn trong nước đưa vào sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng.

### **3.3.2. Nhóm giải pháp phát triển thể chế chính trị**

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

- Phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện.

- Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước.

- Xây dựng hệ thống pháp luật với tư cách là ý chí của toàn dân, làm sao để cho mọi người tự giác, tự nguyện sống và làm việc theo pháp luật chứ không phải là sự cưỡng chế, ép buộc.

- Phải có những biện pháp xử lý nghiêm minh đối với những cá nhân lợi dụng quyền lực để trục lợi (tha hóa quyền lực).

### **3.3.3. Nhóm giải pháp phát triển văn hóa, xã hội**

Văn hóa có vai trò to lớn trong việc phát triển tự do, toàn diện con người. Văn hóa làm cho con người phát triển toàn diện, trở nên phong phú về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, mang lại cho con người lối sống cao đẹp, giúp con người thực hiện được những khát vọng về chân, thiện, mỹ. Văn hóa là yếu tố làm cho “chất lượng người ngày càng hoàn thiện”, khả năng hoạt động sáng tạo của con người ngày càng được nâng cao. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay thì văn hóa giữ vai trò quan trọng trong việc phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Do đó, cần chú ý đến sự phát triển văn hóa là góp phần chống nguy cơ tha hóa con người, làm mất bản sắc văn hóa dân tộc, đánh mất mình trong điều kiện kinh tế thị trường. [17, 72].

Cần có sự đầu tư hơn nữa về mọi mặt cho lĩnh vực giáo dục. Vì đây là lĩnh vực đi đầu trong việc nâng cao “chất lượng người”. Phải thay đổi triết lý để chuyển một nền giáo dục lấy trang bị kiến thức chuyên môn làm mục tiêu chủ yếu sang một nền giáo dục chỉ dạy những kiến thức chuyên môn căn bản ở mức tối thiểu.

Dành nhiều thời gian dạy người học về phương pháp, kỹ năng, cách tự học, dạy cách sử dụng, khai thác các thiết bị... và dạy làm người với mục đích người được đào tạo có khả năng thích ứng nhanh với hoàn cảnh, có khả năng học tập suốt đời và có trách nhiệm cao với gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đi theo sự đổi mới này sẽ là hàng loạt những thay đổi căn bản từ chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, người thầy và cách thức giảng dạy. Theo triết lý mới này cách dạy và học sẽ chuyển từ học để nhớ sang chuyển sang học để hiểu. Cho đến nay hiện tượng quá tải như một căn bệnh không thể chữa và thay đổi sách giáo khoa diễn ra liên năm chính là do triết lý lấy dạy chuyên môn là mục tiêu quan trọng để ra.

Phải thay đổi một cách căn bản hệ thống đánh giá từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá năng lực. Đầu vào thì đánh giá năng lực có học được (cấp học, chương trình học ấy) không. Trong quá trình thì đánh giá năng lực hiểu và tiếp thu sáng tạo những điều đã học. Đầu ra thì đánh giá năng lực vận dụng những điều đã học tập, rèn luyện vào môi trường sắp tới.

Tóm lại phải thay đổi căn bản những gì đang làm hiện nay trong việc thi cử, đánh giá. Sự thay đổi này sẽ mở đường cho một giai đoạn mới, người thi sẽ được sử dụng các thiết bị CNTT (như máy tính chẳng hạn), sử dụng mạng internet, v.v. Việc tổ chức thi sẽ nhẹ nhàng, đơn giản và chắc chắn sẽ chấm dứt việc phải nhờ cậy đến lực lượng công an để bảo vệ đề, phải nhốt thầy ra đề trong khách sạn vừa tốn kém, vừa bức xúc và nhất là sẽ không còn hiện tượng học vẹt, học tủ và quay cóp nữa.

Việc xây dựng các chương trình giảng dạy phải có chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra ở đây là phải lấy thực tế khách quan và yêu cầu của xã hội làm căn cứ, chứ không phải là “chuẩn” nhưng do nhà trường tự quy định như nhiều cơ sở đào tạo đang làm. Như vậy chuẩn đầu ra phải hiểu là đáp ứng nhu cầu rất đa dạng cả về chủng loại và chất lượng. Giáo dục đại học và chuyên nghiệp là nơi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực các loại cho xã hội. Sự đa dạng yêu cầu về chủng loại và chất lượng lao động sẽ quy định chủng loại và sự phân tầng của các cơ sở đào tạo.

Bên cạnh những yêu cầu chất lượng rất cao của các cơ sở hàng đầu, có yêu cầu vừa phải của các cơ sở không có nhu cầu đến mức ấy. Chẳng hạn, một doanh nghiệp gia đình nhỏ muốn có một kế toán đạt trình độ đại học thì chắc chắn không cần đến những người tốt nghiệp những trường đại học hàng đầu về kinh tế. Vậy phải có những trường đại học vừa tầm để đào tạo loại nhân lực này. Đây chính là lý luận căn bản để phải có cách nhìn phân tầng đối với giáo dục đại học. Trong ý nghĩa này nhất loạt hồ khẩu hiệu “chất lượng cao” là duy ý chí, không thực tế và cũng không phù hợp với thực tiễn.

Cần phải có sự phân biệt căn bản giữa giáo dục phổ thông và giáo dục đại học (bao gồm cả sau đại học). Trong một thời gian dài sự phân biệt này chỉ là hình thức. Không phải vô cơ mà nhiều bậc trí giả ví von một cách hài hước, nhưng lại rất chính xác là đại học Việt Nam là phổ thông cấp bốn. Quả thực, trên đại học, sinh viên chỉ học những kiến thức chuyên môn chưa học ở các lớp phổ thông, còn cách dạy cách học không khác mấy so với học phổ thông (cũng giống như lớp 10 học những kiến thức chưa học ở lớp 9). Điều khác căn bản giữa giáo dục phổ thông và giáo dục đại học là ở chỗ giáo dục phổ thông là dạy những kiến thức đã ổn định, trang bị nền tri thức và rèn luyện những phẩm chất cơ bản cho công dân, còn giáo dục đại học chủ yếu lại là

đào tạo nguồn nhân lực có năng lực sáng tạo và ngay trong quá trình học tập đã tham gia sáng tạo tri thức mới.

Ở các nước tiên tiến, những phát minh và giải thưởng khoa học quốc tế lớn đều từ các trường đại học là do đặc điểm này của đại học. Chính từ thuộc tính này mà quyền tự chủ của các đại học, trước hết là tự chủ về học thuật, là điều kiện tiên quyết để giáo dục đại học phát triển. Tự chủ phải gắn liền với tự chịu trách nhiệm. Hãy để đại các trường đại học tự chăm lo lấy thương hiệu và uy tín của mình. Không nên lo “làm bậy” mà phải quản thật chặt. Quản lý nhà nước là vô cùng quan trọng và cần thiết, nhưng nếu không xác định được đầy đủ nội hàm của công tác này mà tăng cường quản lý của Nhà nước với rất nhiều những quy trình khắt khe thì chưa chắc đã đem lại kết quả như mong muốn. Quản lý chặt đến đâu cũng có kẽ hở (đấy là chưa kể tới ngay cả đội ngũ những người làm quản lý cũng không phải tất cả đều giỏi việc và trong sáng vô tư). Không cẩn thận sẽ khiến cho các cơ sở đào tạo ý lại, ý thế rồi khéo léo lách qua những quy định...khi ấy toàn bộ trách nhiệm lại được đổ lên các cơ quan quản lý.

Để có thể tiến hành đổi mới một cách căn bản thì giải pháp phải đồng bộ và toàn diện. Trước hết là những đổi mới về cơ chế, chính sách. Trong hoàn cảnh khóa khẩn hiện nay của đất nước, không nên đặt vấn đề tăng thêm ngân sách cho giáo dục và đào tạo mà có chính sách phân phối nguồn lực cho hợp lý. Trong quá trình này, đầu tư tập trung và đầu tư hiệu quả được coi là ưu tiên. Cần chấm dứt việc đầu tư giàn trải và kém hiệu quả như hiện nay. Ngoài những cơ chế chính sách về tài chính, phải đổi mới hàng loạt các cơ chế chính sách khác có liên quan đến giáo dục, đào tạo, sao cho thực sự là quốc sách hàng đầu. Vấn đề quyết định cho thành công của sự nghiệp đổi mới giáo dục là chính sách cán bộ. Chọn đúng người, giao đúng việc và có những chính

sách thu hút người giỏi vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo sẽ đưa giáo dục nước nhà bước vào một thời kỳ phát triển mới.

Tóm lại:

- Quan tâm, chú ý nhiều hơn tới phát triển văn hóa, giáo dục vì đây là yếu tố góp phần chống nguy cơ tha hóa con người nói chung và người lao động nói riêng trong điều kiện kinh tế thị trường.

- Phát triển chất lượng giáo dục vì đây là lĩnh vực đi đầu trong việc loại bỏ nguy cơ tha hóa con người.

- Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân được tham gia học hành vì đây là yếu tố cơ bản góp phần hạn chế sự tha hóa con người.

- Giải quyết tốt chính sách tiền lương cho đội ngũ giáo viên. Vì nếu chùng nào đồng lương không đáp ứng đủ những nhu cầu thiết thực hàng ngày cho bản thân và gia đình họ thì chùng đó tình trạng tha hóa trong giáo dục tập thể là không thể tránh khỏi.

- Mọi tổ chức và cá nhân đều phải luôn quan tâm tới vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên và cả người lao động vì đạo đức là yếu tố góp phần ngăn cản tha hóa con người tốt nhất...



### **Kết luận chương 3**

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mặc dù từ sau khi tiến hành công cuộc đổi mới, nước ta đã dần dần khắc phục được nhiều biểu hiện của tình trạng lao động bị tha hóa đã diễn ra trong thời bao cấp, nhưng trên thực tế lao động ở nước ta hiện nay vẫn còn bị tha hóa ở nhiều phương diện trên nhiều lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến đạo đức, giáo dục. Do đó, việc nghiên cứu những nguyên nhân của thực trạng này và đề ra những phương hướng và giải pháp toàn diện để khắc phục chúng và việc làm có tính cấp thiết của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

## KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân đạo hiện thực, giá trị lớn nhất của nó là làm cho học thuyết của các ông vượt lên trên các học thuyết khác là tính nhân đạo vì con người. Tư tưởng của các ông luôn hướng đến một xã hội tốt đẹp mà ở đó người lao động được tự do phát triển toàn diện.

Thông qua Tác phẩm “ Bản thảo kinh tế - triết học 1844” là một trong những tác phẩm mở đầu cho thời kỳ sáng tạo mới mang tính bước ngoặt của Mác . Ông đã chỉ ra cho nhân loại thấy bản chất của chủ nghĩa tư bản, những dạng tha hóa lao động mà nguyên nhân chính là do chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Từ đó ông cũng chỉ ra bằng cách nào để có thể giải phóng triệt để con người. Chính vì giá trị lớn lao như vậy cho nên học thuyết Mác không bao giờ trở nên lỗi thời, lạc hậu mà nó luôn có ý nghĩa nhất định đối với sự phát triển của nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.

Đối với Việt Nam đang trong thời kỳ phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên hàm chứa trong mình cả những mặt tích cực, phù hợp với xu thế vận động chung, lẫn những hạn chế, những khuyết tật của nó. Do đó tìm hiểu “ Bản thảo kinh tế - triết học 1844” của ông có tác dụng to lớn đối với quá trình xác lập cơ sở xã hội cho việc phát huy nhân tố con người, trước hết là người lao động, khắc phục những hiện tượng tha hóa, đảm bảo dân chủ, công bằng không chỉ là trong lao động, phân phối sản phẩm mà trong cả mọi phương diện sinh hoạt của con người mà Mác đã nêu ra.

Ngoài ra nghiên cứu lý luận của C. Mác về lao động bị tha hóa để từ đó soi chiếu vào xã hội Việt Nam giúp chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự tha hóa lao động là vẫn còn tồn tại. Chúng ta nhìn thấy nó, khẳng định nó và từ đó để có thể đưa ra những biện pháp khắc phục tình trạng này.

Nguyên nhân của tình trạng này là do lực lượng sản xuất và năng suất lao động còn thấp, do tác động mặt trái của kinh tế thị trường chưa được khắc phục tốt, do tình trạng bóc lột lao động trong nhiều doanh nghiệp tư nhân vẫn còn tồn tại, công tác quản lý của Nhà nước nói chung và của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị còn yếu kém.

Do vậy, giải pháp khắc phục tình trạng lao động vẫn còn bị tha hóa trên nhiều lĩnh vực phải được nghiên cứu và đề ra một cách toàn diện và đồng bộ. Trước hết là giải pháp kinh tế nhằm phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp để khắc phục tình trạng tha hóa trong lao động sản xuất. Đồng thời với giải pháp kinh tế là những giải pháp chính trị để khắc phục tình trạng tha hóa trong các tổ chức công quyền, như làm việc cầm chừng, quản lý, tham nhũng, tham quyền cố vị, v.v., và những giải pháp tư tưởng và giáo dục để khắc phục sự tha hóa về đạo đức, lối sống. Tình trạng tha hóa trong giáo dục ở nước ta hiện nay là rất nghiêm trọng cần phải được khắc phục để đưa giáo dục nước ta phát triển lên trình độ khu vực và quốc tế.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2013), *Tài liệu phục vụ lớp tập huấn giảng viên các môn lý luận chính trị các trường đại học, cao đẳng*, Hà nội.
- [2]. Ban Tuyên giáo trung ương (2011), *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đức Bình chủ biên (2002), *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Doãn Chính – Đinh Ngọc Thạch (2003), *Vấn đề triết học trong tác phẩm của C. Mác – Ph. Ăng ghen – V.I. Lê nin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Phạm Như Cương (chủ biên) (1978), *Vấn đề xây dựng con người mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Trương Hải Cường (2001), Quan điểm của C. Mác – Ph. Ăngghen về lao động bị tha hóa và sự tha hóa của tôn giáo, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 6.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [12]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [13]. Đỗ Lan Hiền (2003), “Quan niệm của C. Mác về tha hóa của lao động, tha hóa của tôn giáo trong Bản thảo kinh tế - triết học 1844”, *Tạp chí triết học*, số 8.
- [14]. Nguyễn Tấn Hùng (2012), Bài giảng *Phân tích tư tưởng triết học của C. Mác, Ph. Ăng ghen và V.I. Lênin qua các tác phẩm*, Đà Nẵng.
- [15]. Nguyễn Huy (2012), “Bóc lột và hướng giải quyết ‘vấn đề bóc lột’ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Triết học*, số 12.
- [16]. Hồ Ngọc Hương (1989), “Tha hóa và chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Triết học*, số 3.
- [17]. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2005), *Quan niệm của C. Mác về tha hóa, giải phóng con người và ý nghĩa của nó đối với phát triển con người Việt Nam hiện nay*, Trường Đại học Khoa học XH và NV, Hà Nội.
- [18]. Nguyễn Đình Kháng (2001), “Sở hữu tư liệu sản xuất và các thành phần kinh tế theo tinh thần Đại hội IX của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10.
- [19]. Nguyễn Kim Lai (1999), “Sở hữu trong quan niệm triết học xã hội của C. Mác qua Bản thảo kinh tế - triết học 1844”, *Tạp chí Triết học*, số 2.
- [20]. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1.
- [21]. Nguyễn Văn Long (1998), “Nguồn gốc xã hội của tôn giáo và việc giải phóng con người khỏi tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, số 4.
- [22]. C. Mác và Ph. Ăng ghen (1982), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb sự thật, Hà Nội.
- [23]. C. Mác và Ph. Ăng ghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [24]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995) *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [27]. C. Mác và Ph. Ăng ghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [28]. *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*(2004), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [29]. Nguyễn Thế Nghĩa (2003), “Quan niệm của C. Mác về tha hóa và sự giải phóng con người khỏi tha hóa trong Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”, *Tạp chí Triết học*, số 10.
- [30]. *Tài liệu nghiên cứu văn kiện Đại hội IX của Đảng* (2004), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [31]. Trần Đức Thảo (1998), *Vấn đề con người và chủ nghĩa “ Lý luận không có con người”*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [32]. Vương Thị Bích Thủy (2003), “Dân chủ hóa tạo môi trường và động lực cho sự phát triển cá nhân và xã hội”, *Tạp chí triết học*, Số 8.
- [33]. Nguyễn Văn Thương (2004), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [34]. Đặng Hữu Toàn (1993), “Tìm hiểu tư tưởng giải phóng con người của C. Mác”, *Tạp chí Triết học*, số 4.
- [35]. Trần Xuân Trường (2004), *Vận mệnh lịch sử của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [36]. Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam (1996 - 2005), *Tập I,II,III,IV*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[37]. Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### **Trang Website**

[38]. Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần, “Tăng lương, sửa luật để giảm đình công”, [http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT\\_TINLAPPHA/P/View\\_Detail.aspx?ItemID=233](http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHA/P/View_Detail.aspx?ItemID=233), 26/9/2013.

[39]. Dân trí điện tử ngày, “Chuyện lạ tập đọc ê, a tại lò luyện thi Hà Nội”, <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/chuyen-la-tap-doc-e-a-tai-lo-luyen-thi-o-ha-noi-743876.htm>(17/6/2013).

[40]. *Hướng dẫn kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"*.  
<http://thanhuytamky.org.vn/Default.aspx?tabid=263&ni=39&language=vi-VN>  
(14/3/2012).

[41]. Vũ Thị Kiều Phương, “Tư quan niệm của C. Mác về ‘xóa bỏ chế độ tư hữu’ suy nghĩ về vấn đề sở hữu tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay”,  
[www.Lrc.ctu.edu.vn/pdoc/33/sohuutunhan.pdf](http://www.Lrc.ctu.edu.vn/pdoc/33/sohuutunhan.pdf). (20/10/2011)

[42]. Bùi Xuân Phái, *Quyền lực và tha hóa quyền lực*,  
[thongtinphapluatdansu.edu.vn](http://thongtinphapluatdansu.edu.vn). (13/10/2009).

[43]. *Tài liệu bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp khối Đảng, đoàn*, <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/vankientulieu/Huong-dan-cua-Ban/2011/4481/Tai-lieu-boi-duong-thi-nang-ngach-chuyen-vien-cao-cap-khoi.aspx>,(30/11/2011).

[44]. *Việc làm và xuất khẩu lao động – những vấn đề đặt ra*, Báo điện tử ĐCSVN, <http://congdoan.most.gov.vn/trao-doi/bai-viet/197-vic-lam-va-xut-khu-lao-ng--nhng-vn--t-ra-.html?showall=1>, (20/10/2012).

- [45]. Viện Kiểm sát nhân dân Hành phố Hải Phòng, *Hiệu trưởng đánh bạc – báo động về sự tha hóa cán bộ*,  
<http://vienkiemsathaihong.gov.vn/index.php/home/detail/925> ,(25-7-2013).
- [46]. Việt Nam net, trang Giáo dục, *Giáo dục Việt Nam trước đòi hỏi đổi mới căn bản và toàn diện*, <http://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N14938/Giao-duc-Viet-Nam-truoc-doi-hoi-doi-moi-can-ban-va-toan-dien.htm>,(27/3/2013).
- [47]. Britannica Concise Encyclopedia, *Alienation*,  
<http://www.answers.com/topic/alienation>
- [48]. Ludwig Feuerbach (1854), *The Essence of Christianity*, translated by George Eliot,  
<http://www.marxists.org/reference/archive/feuerbach/works/essence/index.htm>.
- [49]. T.Z. Lavine (1989), *From Socrates to Sartre: The Philosophic Quest*, Bantam Books, New York.
- [50]. Oxford Dictionary, *Alienation*,  
<http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/alienation>
- [51]. Wikipedia, the free Encyclopedia, *Marx's Theory of Alienation*,  
[http://en.wikipedia.org/wiki/Marx's\\_theory\\_of\\_alienation](http://en.wikipedia.org/wiki/Marx's_theory_of_alienation)



